

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN VĂN GIÀU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2021

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN VĂN GIÀU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đức Chính	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Văn Thị Đông Xuân	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Hoàng Đức Thịnh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
4	Nguyễn Tấn Đạt	CTCĐ, thư ký hội đồng	Thư ký	
5	Phan Văn Phong	Trợ lý Thanh niên Bí thư CDGV	Ủy viên HĐ	
6	Trần Đình Nam	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
7	Trương Xuân Cửu	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
8	Lê Văn Hiến	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
9	Phạm Thị Kim Anh	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
10	Phạm Thị Phương Linh	Phó CTCĐ, Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
11	Hàng Thị Hiền	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
12	Vũ Thị Quỳnh Anh	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
13	Phạm Thị Tuyết	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
14	Mai Trọng Trường	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
15	Nguyễn Tuấn Kiệt	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
16	Nguyễn Duy Châu	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	
17	Cao Thị Thắm	Tổ trưởng	Ủy viên HĐ	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	7
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	17
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	21
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	21
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	
Mở đầu	21
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	22
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ Văn phòng	
Tiêu chí 1.5: Lớp học	27
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	29
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	31
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	33
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	34

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	38
Tiêu chuẩn 2 : Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	39
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	41
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	43
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	45
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	46
Tiêu chuẩn 3 : Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	47
Tiêu chí 3.2: Phòng học	49
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	51
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	53
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	54
Tiêu chí 3.6: Thư viện	57
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	59
Tiêu chuẩn 4 : Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	60
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	62
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	64
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	65

Mở đầu	65
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	65
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	68
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	70
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	71
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	72
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	76
Phần II. KẾT LUẬN CHUNG	80
Phần III. PHỤ LỤC	82

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	BCH	Ban chấp hành
2	BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	CB-GV-NV	Cán bộ - Giáo viên - Nhân viên
4	CBQL-GV-NV	Cán bộ quản lí – giáo viên – nhân viên
5	CSVC	Cơ sở vật chất
6	ĐH-CĐ	Đại học – Cao đẳng
7	ĐH KHTN	Đại học Khoa học tự nhiên
8	ĐH XHNV	Đại học Xã hội nhân văn
9	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
10	GDNGLL	Giáo dục ngoài giờ lên lớp
11	GV	Giáo viên
12	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
13	HS	Học sinh
14	HSG	Học sinh giỏi
15	PPDH	Phương pháp dạy học
16	TBDH	Thiết bị dạy học
17	TDTT	Thể dục thể thao
18	TĐG	Tự đánh giá
19	THPT	Trung học phổ thông
20	TLTN	Trợ lí Thanh niên
21	TNCS HCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
22	TNTHPT	Tốt nghiệp Trung học phổ thông
23	TPCM	Tổ phó chuyên môn

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
24	TPVP	Tổ phó văn phòng
25	TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
26	TTCM	Tổ trưởng chuyên môn
27	TTVP	Tổ trưởng tổ văn phòng
28	TTND	Thanh tra nhân dân
29	UBND	Ủy ban nhân dân
30	XHCN	Xã hội Chủ nghĩa

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu

Tên trước đây (nếu có): (Không)

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục Và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Chính
Huyện/ quận/ thị xã/ thành phố	Quận Bình Thạnh	Điện thoại	028 35533560
Xã/ phường/ thị trấn	Phường 13	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Chưa	Website	http://www.thpttranvangiau.hcm.edu.vn
Năm thành lập	2002	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2019-2020
Khối lớp 10	18	16	15	16	14
Khối lớp 11	16	18	15	14	16
Khối lớp 12	11	16	17	16	15

Cộng	45	50	47	46	45
-------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2019- 2020
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	60	60	60	62	62
1	Phòng học	45	45	45	47	46
a	Phòng kiên cố	45	45	45	47	46
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00
2	Phòng học bộ môn	12	12	12	12	12
a	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00
3	Khối phục vụ học tập	03	03	03	03	04
a	Phòng kiên cố	03	03	03	03	04
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2019- 2020
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00
II	Khối phòng hành chính- quản trị	13	13	13	13	13
1	Phòng kiên cố	13	13	13	13	13
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	1	1	1	1	1
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	05	05	05	05	07
	Phòng bán trú	00	00	00	00	02
	Kho chứa dụng cụ vệ sinh	01	01	01	01	01
	Kho để thiết bị âm thanh	01	01	01	01	01
	Kho chứa dụng cụ sửa chữa	01	01	01	01	01
	Kho chứa dụng cụ hoạt động Đoàn TN	01	01	01	01	01
	Kho lưu trữ văn phòng phẩm	01	01	01	01	01

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2019- 2020
	Tổng cộng	80	80	80	82	84

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG: **tháng 03/2021**

Số liệu	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	1	1	
Giáo viên	78	48	2	0	58	20	
Nhân viên	20	14	0	0	14	0	
Cộng	101	63	2	0	73	22	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2019- 2020
1	Tổng số giáo viên	73	82	81	78	78
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,62	1,64	1,72	1,69	1,69
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,035	0,035	0,036	0,038	0,038

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2019- 2020
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	/	/	/	/	/
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	02	01

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2019- 2020
1	Tổng số	2091	2311	2196	2120	2104
2	Khối lớp 10	854	748	702	779	701
3	Khối lớp 11	763	847	706	659	761
4	Khối lớp 12	474	716	788	682	642
5	Nữ	1065	1160	1122	1137	1024
6	Dân tộc	41	47	37	42	38
7	Tổng số tuyển mới	862	742	710	789	721
8	Học 2 buổi/ngày	0	2311	2229	2120	2104
9	Bán trú	0	0	0	978	1004
10	Nội trú	0	0	0	0	0
11	Bình quân số học	46,5	46,2	46,7	46	45

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2019- 2020
	sinh/lớp					
12	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	1882 – 90%	2126 – 92%	2118 - 96,4%	2101- 99,1%	2091- 99,4%
13	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi - Nữ	996 – 91%	1079 – 93%	1077 – 96%	1103- 97%	1021- 99,7%
14	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi - Dân tộc	39- 95,12%	45- 95,7%	37 – 100%	42- 95,23%	38- 100%
15	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện /tỉnh (nếu có)	46	64	84	81	83
16	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	05	04	01	00
17	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	87	118	116	98	96
18	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách - Nữ	68	101	105	91	78
19	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách - Dân	03	06	06	04	05

TT	Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2019- 2020
	tộc					
20	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	102	100	105	102	106
21	Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hoà nhập	01	01	05	05	09

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2019- 2020
Tỷ lệ học sinh xếp giỏi	5,3%	8,5%	7,4%	9,6%	12,6%
Tỷ lệ loại học sinh xếp loại khá	33,9%	40,4%	39,86%	46,7%	52,78%
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	52,2%	46,1%	47,54%	41,03%	33,11%
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	8,6%	5%	5,2%	2,64%	1,51%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	66,68%	65,9%	68,5%	76,78%	81,5%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	25,85%	25,54%	25,58%	17,03%	13,72%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	6,13%	6,93%	5,17%	5,15%	3,96%

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu	1,32%	1,63%	0,75%	1,05%	0,8%
--	-------	-------	-------	-------	------

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Giới thiệu khái quát về trường

- Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu được thành lập theo Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 05/6/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc tại 203/40 đường Đặng Thùy Trâm (tên cũ là Đường Trục), Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trường được vinh dự mang tên Giáo sư Trần Văn Giàu, là một nhà cách mạng lỗi lạc, một nhà khoa học, một nhà giáo nhân dân, một anh hùng lao động. Giáo sư Trần Văn Giàu đã được tặng thưởng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý cho những cống hiến của mình với Cách mạng, với đất nước, như: Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng, Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý khác, Nhà giáo Nhân dân năm 1992, Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I năm 1996, Anh hùng Lao động thời kì đổi mới năm 2003.
- Về cơ sở vật chất, trường được thiết kế, xây dựng hướng theo chuẩn quốc gia, tổng mức đầu tư dự án là 75 tỷ đồng, có diện tích: 14.875m², trong đó: diện tích sân bãi 3.250m², diện tích cây xanh 3.935m², diện tích giao thông 3.254m², diện tích xây dựng 4.418m².
- Với quy mô xây dựng 1 trệt + 2 lầu, gồm 47 phòng học, 03 phòng thí nghiệm, 06 phòng học bộ môn, 03 phòng máy vi tính, 02 phòng lab, 01 thư viện, 01 phòng tư vấn, 01 phòng tiếp công dân, 01 phòng chi đoàn giáo viên, 01 phòng đoàn thanh niên, 01 phòng công đoàn, 01 phòng nghiên cứu khoa học, 01 phòng truyền thống và các phòng ban phụ trợ đầy đủ trang thiết bị, nhà thi đấu thể dục thể thao, sân thể thao ngoài trời cùng với một không gian yên tĩnh, thoáng mát.
- Về cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường trong năm học 2019 – 2020 có 105 người, nữ 63. Cán bộ quản lý: 03 người (02 trên chuẩn, 01 đạt chuẩn); Giáo viên: 78 người (đạt chuẩn: 58, giáo viên trên chuẩn: 20). Chi bộ có 30 Đảng viên, chi

đoàn giáo viên có 55 đoàn viên, công đoàn có 101 công đoàn viên rất tâm huyết với nghề, trách nhiệm, thương yêu, hết lòng vì học sinh.

- Về học sinh, năm học 2019 – 2020 trường có 46 lớp với 2120 học sinh, trong đó khối 10 có 16 lớp, khối 11 có 14 lớp, khối 12 có 16 lớp. Đoàn trường có 46 chi đoàn với 955 đoàn viên. Các em học sinh được học theo chương trình ban cơ bản và được giáo dục truyền thống, đạo đức lối sống, giáo dục kỹ năng sống, hướng nghiệp, học nghề và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của người học sinh theo quy định của Điều lệ trường trung học.

- Chi bộ nhà trường được Quận ủy quận Bình Thạnh công nhận Trong sạch vững mạnh nhiều năm liền (từ năm học 2012-2013 đến năm học 2019 – 2020), 100% các đồng chí Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu được công nhận là Tập thể lao động xuất sắc từ năm học 2012-2013 đến năm học 2019 – 2020 (trong đó năm học 2013-2014 nhận bằng khen của Bộ Giáo dục; Năm học 2015-2016 nhận cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân thành phố). Công đoàn nhà trường đạt danh hiệu “Công đoàn vững mạnh” từ năm học 2013-2014 đến năm học 2019 – 2020, trong đó năm học 2016-2017 nhận cờ thi đua của Liên đoàn Lao động thành phố. Chi đoàn giáo viên và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn phát huy vai trò trách nhiệm, làm nòng cốt cho mọi phong trào, hoạt động của Đoàn ngày càng có chiều sâu, thúc đẩy xây dựng trường lớp “an toàn - xanh - sạch - đẹp”, góp phần tích cực trong hoạt động giáo dục và được công nhận là Đoàn trường Vững mạnh - Xuất sắc, được Trung ương đoàn tặng bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2014 – 2015”.

- Công tác chuyên môn được nhà trường xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong đó công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ mũi nhọn để nâng chất lượng giáo dục và tạo uy tín cho nhà trường. Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ để nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao tinh thần trách nhiệm đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; xây dựng kỷ cương, nề nếp trong dạy và học; đẩy mạnh đổi

mới phương pháp dạy học và giáo dục, đổi mới kiểm tra đánh giá và đổi mới trong sinh hoạt chuyên môn. Những năm qua, nhà trường đã đạt được một số kết quả tương đối khả quan như tỷ lệ học sinh đạt điểm sàn vào đại học, cao đẳng đạt trên 80%; Số lượng học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi hằng năm tăng dần: năm học 2013-2014 đạt 10 giải đến năm học 2019 – 2020 đạt 63 giải; Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cũng tăng lên: năm học 2013-2014 đạt 01 giải đến năm học 2019 – 2020 đạt 10 giải (trong đó có 01 giải cấp Quốc gia).

- Trong thời gian xây dựng và phát triển nhà trường, công tác quản lý luôn được Ban lãnh đạo thường xuyên cải tiến để không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, tập trung của Chi bộ, Ban lãnh đạo, đồng thời phối hợp với tổ chức đoàn thể phát huy dân chủ tại cơ sở, tạo điều kiện để đoàn thể hoạt động tốt và hiệu quả, xây dựng khối đoàn kết và môi trường sư phạm thân thiện.

- Về tài chính, trường thực hiện theo cơ chế tự chủ về tài chính của Nghị định 43/2006/NĐ-CP (ngày 15/12/2013), đã chủ động xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo đúng quy định của Nhà nước. Vận động các nguồn hỗ trợ hoạt động giáo dục từ cha mẹ học sinh, các ban ngành đoàn thể.

- Với sự quan tâm của các cấp chính quyền, của Sở Giáo dục và Đào tạo, sự hỗ trợ của cha mẹ học sinh, chất lượng giáo dục của trường từng bước được nâng lên. Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, có vai trò tích cực thúc đẩy công tác quản lý chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường và của toàn ngành Giáo dục đáp ứng với yêu cầu của xã hội.

2. Mục đích tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Trường THPT Trần Văn Giàu đã tiến hành công tác TĐG từ tháng 01/2019.

Tự đánh giá là quá trình nhà trường dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành, tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục, CSVC, các vấn đề liên quan khác của nhà trường để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn đánh giá trường trung học.

Mục đích TĐG nhằm xác định nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục. Đồng thời, khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan nhà nước đánh giá, công nhận trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Hội đồng TĐG Trường THPT Trần Văn Giàu làm việc theo đúng quy trình TĐG. Cụ thể: Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Hội đồng TĐG theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các văn bản có liên quan; xây dựng kế hoạch TĐG; viết phiếu phân tích tiêu chí theo mẫu 4a, 4b; thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả TĐG với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành; viết phiếu đánh giá tiêu chí theo mẫu 5a, 5b; đánh giá mức độ nhà trường đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo TĐG; tổ chức thực hiện việc duy trì cơ sở dữ liệu về chất lượng giáo dục gồm các thông tin chung, kết quả điều tra thực trạng và các vấn đề khác nhằm hỗ trợ việc duy trì, nâng cao chất lượng nhà trường; yêu cầu lãnh đạo, GV, nhân viên và HS của trường thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng đã đề ra trong báo cáo tự đánh giá; Hội đồng TĐG làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất.

Công cụ TĐG của trường là Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các văn bản có liên quan.

Trong quá trình TĐG, trường đã xác định những điểm mạnh, điểm yếu của các hoạt động giáo dục trong thời gian qua một cách khách quan, trung thực. Trên cơ sở đó, công khai thực trạng của trường, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, đáp ứng mục tiêu của trường trung học, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cơ cấu tổ chức nhà trường bao gồm:

- Chi bộ có 30 đảng viên (25 chính thức và 05 dự bị) trong đó có 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư và 01 Chi ủy viên.
- Hội đồng trường có 12 thành viên.
- Lãnh đạo nhà trường có 03 thành viên: Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng.
- Công đoàn có 101 công đoàn viên được tổ chức trong 11 tổ công đoàn. Cán bộ công đoàn gồm: Ban chấp hành gồm 05 thành viên, 11 tổ trưởng công đoàn.

- Đoàn trường học sinh có 46 chi đoàn với 955 đoàn viên, Chi đoàn giáo viên có 55 đoàn viên.

- Nhà trường có 11 tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, tổ Giám thị và mỗi tổ có 01 tổ trưởng (riêng tổ Toán học, Vật lý, Hóa học, Ngữ Văn mỗi tổ có 01 tổ phó).

Song song với công tác tổ chức, việc quản lý hành chính, thực hiện các phong trào thi đua, quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, quản lý tài chính, tài sản của nhà trường luôn được thực hiện tốt. Trong nhiều năm liền, nhà trường có kế hoạch cụ thể đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có

sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng đã xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2025. Chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các nguồn lực của nhà trường **[H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]**. Theo đó, mục tiêu trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu hướng đến là ngôi trường có uy tín trong giảng dạy, giáo dục và hội nhập; trường nằm trong hệ thống trường đạt chuẩn của thành phố. Nhà trường chú trọng phát triển đức, trí, thể, mỹ cho học sinh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phù hợp mục tiêu giáo dục phổ thông ghi trong Luật Giáo dục, phù hợp với các nguồn lực về nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất của nhà trường.

b) Chiến lược phát triển Trường THPT Trần Văn Giàu được xây dựng bằng văn bản theo kế hoạch số 87/KH-TVG ngày 09 tháng 9 năm 2015 của hiệu trưởng trường và đã được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt **[H1-1.1-01]**.

c) Sau khi kế hoạch chiến lược được ban hành và phê duyệt, nhà trường tiến hành công khai cho hội đồng sư phạm thông qua hình thức dán lên bảng tin thông báo của nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường thpttrvanvangiau.hcm.edu.vn **[H1-1.1-03]**.

Mức 2:

Ban Giám hiệu có những giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Cụ thể nhà trường tổ chức sơ kết năm học, họp, rút kinh nghiệm trong hội đồng sư phạm để khắc phục những mặt còn hạn chế, điều chỉnh, đề xuất và bổ sung để việc thực hiện kế hoạch năm học. Các Phó hiệu trưởng thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ, nhắc nhở và điều chỉnh để

đảm bảo các chỉ tiêu của chiến lược được quan tâm thực hiện đầy đủ **[H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H6-1.1-08]**.

Mức 3:

Nhà trường tổ chức họp hội đồng trường một lần để tổ chức rà soát, đánh giá và bổ sung việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường về chỉ tiêu phân đầu và giải pháp thực hiện để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học **[H1-1.1-06]**. Quá trình tổ chức xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của CB-GV-NV, cha mẹ học sinh và học sinh **[H1-1.1-07]**.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch từng năm học được xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện với những mục tiêu, biện pháp, chỉ tiêu cụ thể của mỗi năm học vừa phù hợp với điều kiện khách quan vừa tuân thủ chặt chẽ Chiến lược phát triển nhà trường theo từng giai đoạn.

Lãnh đạo và tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường có sự thống nhất cao trong việc xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Chiến lược phát triển nhà trường chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thành lập nhóm giáo viên có nhiều kinh nghiệm cùng với thành viên Hội đồng trường xây dựng tầm nhìn, các bước đi, kế hoạch, chủ động rà soát và đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển của nhà trường trong từng năm (vào tháng 7 hằng năm), so sánh tổng thể và đối chiếu với mục tiêu chiến lược của Ngành Giáo dục.

Trong quá trình triển khai, nhà trường cần kịp thời khắc phục và bổ sung những điểm chưa phù hợp hoặc còn thiếu để thực hiện đồng bộ trong toàn trường nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học, đồng thời tiến hành rà soát việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, qua đó rút ra những ưu điểm và hạn chế, đồng thời bổ sung và điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường một cách cụ thể, kịp thời để bổ sung vào kế hoạch năm học sau.

Thường xuyên cập nhật thông tin và văn bản chỉ đạo các cấp để điều chỉnh, bổ sung kịp thời những yêu cầu mới cho phù hợp với từng giai đoạn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có Hội đồng trường do Hiệu trưởng là Chủ tịch, một thư ký là thư ký hội đồng và các uỷ viên là đại diện của Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn giáo viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện tổ chuyên môn, tổ Văn phòng. Hội đồng trường có thành phần, trách nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường trung học **[H1-1.2-01]**.

Trường có Hội đồng Thi đua và khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch là Chủ tịch Công đoàn, uỷ viên là đại diện của các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể **[H1-1.2-02]**.

Trường có Hội đồng kỷ luật được thành lập khi có học sinh vi phạm để xét và đề nghị xử lý kỷ luật hoặc xóa kỷ luật đối với học sinh theo từng vụ việc **[H1-1.2-02]**. Hội đồng kỷ luật do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, thư ký hội đồng, giáo viên chủ nhiệm lớp có học sinh phạm lỗi, giám thị, một số giáo viên có kinh nghiệm giáo dục và thành viên Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp và Ban Đại diện cha mẹ học sinh của trường. Trường còn có thành lập Ban công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Ban giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp **[H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]**.

b) Hội đồng trường hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Điều lệ trường trung học: họp 3 lần trong một năm: Đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học để thông qua nghị quyết, kế hoạch năm học, mua sắm cơ sở vật chất, quy chế làm việc và kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường năm học mới. Cuối học kỳ, các thành viên trong Hội đồng trường đánh giá kết quả giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường và quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

Hội đồng Thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập theo từng năm học và đúng theo quy định. Các thành viên trong Hội đồng Thi đua có nhiệm vụ tư vấn về công tác kiểm tra, xét duyệt thi đua khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân trong nhà trường từng học kỳ và cuối mỗi năm học theo đúng Điều lệ trường trung học.

Hội đồng Kỷ luật học sinh được thành lập khi có học sinh vi phạm và hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Hội đồng Kỷ luật gồm Phó Hiệu trưởng phụ trách kỷ luật, Trợ lý thanh niên, giáo viên chủ nhiệm lớp, giám thị phụ trách lớp có học sinh phạm lỗi và Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh của trường.

c) Sau mỗi học kỳ, các tổ chức và các hội đồng thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động, những mặt làm được để phát huy, những mặt còn tồn tại để từ đó tìm ra nguyên nhân, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế nhà trường **[H1-1.2-05]**.

Mức 2:

Các Hội đồng hoạt động đúng theo quy định và thực hiện đúng các kế hoạch đã đề ra, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các thành viên trong hội đồng đúng thành phần theo quy định, có tư vấn, thảo luận, thống nhất ý kiến và tham mưu hiệu quả cho Hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ trong nhà trường. Thông qua hoạt động của các hội đồng đã tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tập thể giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh khi thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.2-06]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức bộ máy đầy đủ theo đúng với quy định, tất cả các tổ chức, tổ chuyên môn, đoàn thể đều được thành lập theo đúng nguyên tắc tổ chức, Điều lệ trường trung học phổ thông. Chi bộ lãnh đạo nhà trường và các đoàn thể thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giáo dục. Các tổ chuyên môn, tổ Giám thị và tổ Văn phòng đoàn kết và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Trong hoạt động, các Hội đồng trong nhà trường có sự thống nhất cao, mọi hoạt động đều đúng theo quy chế, quy định và kế hoạch đề ra, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Kết quả đánh giá xếp loại qua các năm học của Chi bộ, Nhà trường, Công đoàn, Đoàn trường đều được các cấp biểu dương, khen thưởng.

3. Điểm yếu

Trong các Hội đồng, còn một số ít thành viên do chưa nắm rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình nên tham gia đóng góp hoạt động của Hội đồng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục kiện toàn các Hội đồng theo quy định và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng cần quán triệt rõ chức năng, nhiệm vụ đến từng thành viên được cơ cấu trong Hội đồng để từng cá nhân thực thi có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có thành lập tổ chức Công đoàn, Chi đoàn giáo viên được cấp trên ra quyết định chuẩn y, công nhận theo nhiệm kỳ; Đoàn TNCS HCM được cấp trên

ra quyết định chuẩn y, công nhận hàng năm. Các tổ chức có cơ cấu tổ chức đầy đủ các thành phần theo quy định và được bầu cử thông qua các Đại hội của tổ chức **[H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]**.

Công đoàn trường có 101 thành viên, được chia thành 11 tổ Công đoàn, mỗi tổ có một Tổ trưởng công đoàn. Ban chấp hành công đoàn trường gồm có 05 đồng chí: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 03 ủy viên.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường hiện có 988 đoàn viên trong đó có 933 đoàn viên học sinh, 55 đoàn viên giáo viên, 47 Chi đoàn trong đó có 46 Chi đoàn lớp và 01 Chi đoàn giáo viên, Đoàn trường định kỳ họp 02 lần/tháng. Có 02 giáo viên được phân công phụ trách hoạt động đoàn của học sinh và Ban chấp hành Chi đoàn giáo viên có 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư và 01 ủy viên.

b) Tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS HCM và Chi đoàn giáo viên đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục **[H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]**. Việc triển khai, thực hiện các kế hoạch trên tinh thần dân chủ, phát huy sức mạnh tập thể và sự đóng góp tích cực của các thành viên trong các tổ chức đoàn thể từ xây dựng kế hoạch, thảo luận, góp ý, bàn bạc đến cùng thực hiện. Các tổ chức đoàn thể đã thực hiện tốt công tác dân vận, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ giáo viên, học sinh góp phần thực hiện thắng lợi công tác thi đua tại đơn vị.

c) Cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học, tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS HCM và Chi đoàn giáo viên đều tổ chức sơ kết, tổng kết, rà soát, đánh giá lại các hoạt động của tổ chức mình, nhận xét ưu điểm, hạn chế và đề ra phương hướng hoạt động trong thời gian tới. Trong mỗi hoạt động của các tổ chức đoàn thể trên đều có phân công một thành viên theo dõi, giám sát, rà soát những gì đã làm được, chưa làm được, báo cáo trước tập thể từ đó bàn bạc góp ý để hiệu quả hoạt động ở những năm sau được tốt hơn. Công tác tổ chức sơ kết, khen thưởng đã động viên kịp thời những cá nhân có thành tích tốt trong giảng dạy, trong học tập cũng như tham gia các phong trào **[H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]**.

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam là Chi bộ cơ sở với 30 đảng viên (trong đó 26 đảng viên chính thức và 04 đảng viên dự bị), có cấp ủy do Đại hội Chi bộ bầu ra gồm 03 đồng chí **[H1-1.3-10]**. Chi bộ hoạt động, sinh hoạt định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác đúng theo quy định của Điều lệ Đảng **[H1-1.3-11]**. Trong 5 năm liên tục từ năm 2015 đến năm 2019, chi bộ nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên **[H1-1.3-12]**.

b) Các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Chi đoàn giáo viên luôn tích cực trong hoạt động, đóng góp thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Chi bộ và chính quyền nhà trường. Năm học 2019 – 2020 chi bộ lãnh đạo đơn vị đạt tập thể lao động xuất sắc, đạt tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh; công đoàn thực hiện tốt quy chế dân chủ, chăm lo đời sống vật chất tinh thần kịp thời cho cán bộ giáo viên, công nhân viên, đạt vững mạnh xuất sắc. Đoàn thanh niên và Chi đoàn giáo viên cũng đạt vững mạnh xuất sắc, đã tổ chức nhiều sân chơi văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh cho học sinh, giáo viên của trường **[H1-1.3-13]**; **[H1-1.3-14]**. Công đoàn, Đoàn thanh niên và chi đoàn giáo viên đã thực hiện tốt công tác giới thiệu quần chúng ưu tú cho chi bộ theo dõi, giúp đỡ kết nạp Đảng.

Mức 3:

a) Chi bộ nhà trường từ năm học 2012-2013 đến năm học 2019 – 2020 luôn được Quận ủy Bình Thạnh công nhận “Chi bộ trong sạch vững mạnh” **[H1-1.3-15]**.

b) Công đoàn nhà trường đạt danh hiệu “Công đoàn vững mạnh” nhiều năm liền, trong đó năm học 2016-2017 nhận cờ thi đua của Liên đoàn Lao động thành phố và đặc biệt 02 năm học liên tiếp 2015-2016 và 2016-2017 được nhận bằng khen của Liên đoàn Lao động thành phố về Thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh **[H1-1.3-14]**.

Chi đoàn giáo viên và Đoàn trường luôn phát huy vai trò trách nhiệm, làm nòng cốt cho mọi phong trào của trường **[H1-1.3-16]**; **[H1-1.3-17]**. Tuy nhiên chất lượng học tập của một vài cán bộ đoàn chưa tốt.

Ngay từ đầu năm học, các bộ phận thực hiện lập kế hoạch hoạt động cho năm học, báo cáo và tham mưu cho Cấp Ủy, Ban lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Công đoàn có kế hoạch, đề xuất, tham mưu cho Lãnh đạo nhà trường trong việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp cho người lao động.

Đoàn trường đã tham mưu cho lãnh đạo nhà trường nhiều giải pháp thiết thực và hiệu quả đã giúp cho trật tự học đường, đạo đức học sinh và chất lượng giáo dục của nhà trường được duy trì và phát triển

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức bộ máy đầy đủ theo đúng với quy định, tất cả các tổ chức, tổ chuyên môn, đoàn thể đều được thành lập theo đúng nguyên tắc tổ chức, Điều lệ trường trung học phổ thông.

Chi bộ Nhà trường được thành lập và cơ cấu đúng theo quy định, hoạt động đúng Điều lệ Đảng và đã lãnh đạo nhà trường ngày càng phát triển đi lên. Liên tục nhiều năm liền, chi bộ Đảng được cấp trên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kết quả đánh giá xếp loại qua các năm học của Chi bộ, Nhà trường, Công đoàn, Đoàn trường đều được các cấp biểu dương, khen thưởng.

Các hoạt động của đoàn thể, chi bộ hằng năm đều được rà soát, đánh giá nhằm chỉ ra những ưu điểm, hạn chế để hoạt động tốt hơn trong thời gian tới.

3. Điểm yếu

Ban chấp hành Đoàn trường còn nhiều hạn chế trong việc sắp xếp thời gian biểu giữa việc học và công tác Đoàn nên có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của cán bộ đoàn.

4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường phối hợp Chi bộ quan tâm củng cố nhân sự Ban chấp hành Đoàn trường, thực hiện tốt công tác phát hiện cán bộ đoàn trong học sinh và tổ chức bồi dưỡng về phẩm chất, kỹ năng công tác Đoàn. Phân công giáo viên giúp đỡ kịp thời cho những cán bộ đoàn có học lực trung bình. Tuyên dương những cán bộ Đoàn có

học lực khá, giỏi và hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn. Đồng thời có chế độ hỗ trợ học bổng và tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất để nhân sự Đoàn trường được có cơ hội học tập và phát triển năng lực.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có Hiệu trưởng giữ vai trò lãnh đạo và quản lý toàn diện mọi hoạt động; một Phó Hiệu trưởng phụ trách giáo dục đạo đức, cơ sở vật chất, thiết bị, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp, ngoại khóa, tham quan và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm; một Phó Hiệu trưởng phụ

trách chuyên môn và các hoạt động giảng dạy. Lãnh đạo nhà trường đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục và có đủ năng lực quản lý hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chức chuyên môn nhà trường gồm 11 tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, tổ Giám thị và mỗi tổ có 01 tổ trưởng (riêng tổ Toán học, Vật lý, Tiếng Anh, Ngữ Văn mỗi tổ có 01 tổ phó) **[H1-1.4-01]**. Hằng năm Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, tổ Giám thị, có quyết định bổ nhiệm tổ trưởng và tổ phó theo đúng qui định theo tại Điều 16 và Điều 17 của Điều lệ Trường Trung học **[H6-1.4-08]**.

c) Vào tháng 7 hằng năm, các tổ dựa trên kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch năm học của tổ và từ đây xây dựng kế hoạch tháng, tuần theo đúng nhiệm vụ của từng môn, từng bộ phận. Sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần **[H1-1.4-02] [H1-1.4-03]**.

Tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ trường trung học; Tổ Văn phòng, tổ Giám thị và bộ phận khác thực hiện nhiệm vụ được phân công theo quy định. Trong các lần họp tổ thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của tổ.

Mức 2:

a) Các tổ chuyên môn nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định, họp tổ định kỳ, kiểm tra việc hoàn thành chương trình, bản kế hoạch hoạt động ngoại khóa, dự giờ, kiểm tra chuyên môn, học bồi dưỡng chuyên môn theo nội dung đã xây dựng, sinh hoạt chuyên đề, báo cáo của tổ hàng tháng, cuối học kỳ I và cuối năm học. Cuối mỗi học kỳ và cuối năm học tổ chuyên môn họp phân tích kết quả đạt được so với kế hoạch của tổ để có biện pháp khắc phục hạn chế và phát huy thế mạnh, bình xét các danh hiệu thi đua, đánh giá viên chức hàng năm, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đồng thời đề xuất khen thưởng cho giáo viên đạt thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được phân công, còn có tổ chuyên môn đầu tư chưa tốt việc xây dựng kế hoạch để phát triển chuyên môn.

Các tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề trong một năm học. Năm học 2019 – 2020 đã tổ chức thực hiện được 35 chuyên đề trong đó: tổ Toán thực hiện 4 chuyên đề; tổ Lý thực hiện 4 chuyên đề; tổ Sinh thực hiện 6 chuyên đề; tổ Tin học thực hiện 3 chuyên đề; tổ Sử - QP thực hiện 2 chuyên đề; tổ Ngữ văn thực hiện được 6 chuyên đề; tổ TD thực hiện 5 chuyên đề; tổ AV thực hiện 1 chuyên đề; tổ GDCD thực hiện 4 chuyên đề. Các chuyên đề được thảo luận để rút kinh nghiệm về PPDH và nhân rộng những sáng kiến hay trong dạy và học, từ đó, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của các thành viên trong tổ **[H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]**.

b) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá hoạt động theo từng học kỳ và vào tháng 5 mỗi năm học. Tổ chuyên môn họp một tháng hai lần để rà soát, góp ý, đánh giá, khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót. Tổ văn phòng cũng họp định kỳ một tháng một lần. Trên cơ sở đó, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng rút ra những ưu điểm, hạn chế để phấn đấu hoàn thành tốt hơn các nhiệm vụ của năm học sau **[H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]**.

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn đã có những điều chỉnh, thay đổi về phương pháp dạy học và đổi mới cách kiểm tra, đánh giá phù hợp với đối tượng học sinh, tạo được niềm tin, hứng thú trong học tập cho các em từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tại đơn vị. Tổ văn phòng sau khi thực hiện việc rà soát, đánh giá hiệu quả công việc đã có những chuyển biến tích cực trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính, giờ giấc làm việc và góp phần tạo môi trường làm việc thuận lợi cho công tác dạy và học ở trường **[H1-1.4-03]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-05]**.

b) Qua triển khai sinh hoạt chuyên đề chuyên môn ở các tổ đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ và chất lượng các môn học. Tuy nhiên, số lượng học sinh hứng thú hơn với các môn học chưa đều. Vẫn còn vài tổ chưa thực hiện hiệu quả việc sinh hoạt chuyên đề chuyên môn. Tổ hoạt động có hiệu quả đã được nhà trường khen thưởng, biểu dương **[H1-1.4-03]; [H1-1.4-06]**.

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hợp lý, đúng qui định nhờ thế đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, phát huy được vai trò của từng cá nhân trong tổ chuyên môn và phát huy được vai trò của tập thể từng tổ.

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường chủ động hoàn thành nhiệm vụ, có kế hoạch cụ thể và duy trì sinh hoạt định kỳ theo quy định. Tinh thần làm việc và giảng dạy của hầu hết thầy cô, nhân viên đều rất nhiệt tình và tận tâm với học sinh.

Các tổ chuyên môn phối hợp tốt trong việc tổ chức sinh hoạt ngoại khóa định kỳ hàng tháng với nhiều nội dung phong phú, hấp dẫn.

Nội dung sinh hoạt của tổ chuyên môn tập trung vào các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, không bị phân tán bởi các sự việc hành chính.

3. Điểm yếu

Còn có tổ chuyên môn chưa chủ động xây dựng kế hoạch chiến lược nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn. Còn một vài môn chất lượng kỳ thi TNTHPT quốc gia còn thấp hơn tỷ lệ chung của thành phố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục có biện pháp để phát huy các điểm mạnh của từng tổ chuyên môn, giao nhiệm vụ cụ thể về yêu cầu chất lượng trong từng học kì đối với tổ chuyên môn chưa chủ động xây dựng kế hoạch chiến lược nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng và tổ chức sinh hoạt các chuyên đề chuyên môn thường xuyên, nhất là các chuyên đề về đổi mới kiểm tra đánh giá và nâng cao chất lượng kỳ thi THPT quốc gia.

Hiệu trưởng khuyến khích tạo điều kiện và cử cán bộ giáo viên tham gia tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, trình độ quản lý

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong năm học 2019 - 2020 nhà trường có 45 lớp trong đó khối 10 có 14 lớp, khối 11 có 16 lớp, khối 12 có 15 lớp **[H1-1.5-01]**.

b) Nhà trường có 2082 học sinh, được tổ chức thành 45 lớp, sĩ số học sinh bình quân trong 01 lớp là 46,2 học sinh. Phòng học được trang bị đảm bảo cho việc thực hiện học 2 buổi/ngày **[H1-1.5-02]**.

c) Lớp học có lớp trưởng, một hoặc hai lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học; mỗi lớp học được chia thành 04 tổ, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học. Các lớp tự quản lý trên nguyên tắc tự quản, dân chủ dưới sự giám sát của Giáo viên chủ nhiệm, Giám thị đảm bảo kỷ cương, kỷ luật của lớp, của trường **[H1-1.5-03]; [H1-1.5-04]**.

Mức 2:

Năm học 2019 – 2020, nhà trường có 45 lớp học; tuy nhiên, sĩ số học sinh bình quân ở các lớp vẫn còn cao, số học sinh tối đa của các lớp là 46,2 học sinh/lớp, nhiều hơn so với quy định là 45 học sinh/lớp **[H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]**.

Mức 3:

Năm học 2019 - 2020 có 45 lớp. Sĩ số bình quân học sinh của các lớp cao 46,2 học sinh **[H1-1.5-01]; [H1-1.5-05]**. Trong mỗi năm học trường đều có sổ đăng bộ và sổ gọi tên ghi điểm **[H1-1.5-05]**. Nhà trường có 06 học sinh hòa nhập tham gia học tập cùng các lớp học trong nhà trường và 01 phòng học cho học sinh hòa nhập.

2. Điểm mạnh

Tổng số học sinh của trường ổn định, việc tuyển sinh nề nếp, khuôn viên rộng đảm bảo điều kiện học tập và tổ chức lớp học theo Điều lệ trường trung học.

Nhà trường có cơ cấu lớp học đầy đủ ở cả 3 khối, có lớp trưởng, lớp phó và được chia theo tổ đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Các lớp học trong nhà trường được tổ chức theo nguyên tắc tự quản và dân chủ.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh trung bình một lớp hơn 45 em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh để mỗi lớp không quá 45 học sinh theo quy định tại Điều lệ trường trung học từ năm học 2020 – 2021; Đồng thời, trường sẽ tham mưu với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc giao chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm phù hợp với thực tế của trường, để đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục trong trường có đầy đủ theo quy định tại Điều 27, Điều lệ trường trung học, gồm:

Đối với nhà trường: Sổ đăng bộ; sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến, sổ theo dõi phổ cập giáo dục; sổ gọi tên và ghi điểm; sổ ghi đầu bài; học bạ học sinh; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của hội đồng trường; hồ sơ thi đua; hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên; hồ sơ kỷ luật; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; sổ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý thư viện; hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh.

Đối với tổ chuyên môn: Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn.

Đối với giáo viên: Giáo án (bài soạn); sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp; sổ điểm cá nhân; sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp) **[H1-1.5-05]; [H1-1.4-05]; [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]**.

Hàng năm có tổ chức kiểm tra các loại hồ sơ học vụ, thiết bị, thư viện tại trường và tổ chức kiểm tra giữa các trường trong cụm chuyên môn 6.

Hồ sơ, văn bản được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật Lưu trữ, tuy nhiên chưa ứng dụng nhiều công nghệ thông tin trong việc lưu trữ.

Nhà trường có hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính; quản lý tài sản; lưu trữ hồ sơ, chứng từ kế toán, có sổ quản lý tài sản chung và tài sản riêng của từng bộ phận. Việc lưu giữ chứng từ tài chính do kế toán phụ trách.

b) Nhà trường thực hiện dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước **[H1-1.6-03]**. Tuy nhiên việc huy động nguồn lực xã hội hóa chưa đưa vào trong dự toán hàng năm.

Đầu mỗi năm học, theo hướng dẫn tổ chức Hội nghị Cán bộ công chức của ngành Giáo dục, trường tổ chức công khai tài chính bằng hình thức dán văn bản tài chính trên bảng tin phòng giáo viên, kế toán trình bày trong Hội nghị Cán bộ viên chức **[H1-1.6-04]**. Ngoài ra còn công khai bảng lương hàng tháng; công khai các chế độ được thanh toán; công khai dự toán ngân sách giao về tiền lương, hành chính phí, mua sắm tài sản được cấp theo năm tài chính; công khai tình hình thu chi tài chính, học phí, các nguồn thu khác. Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra định kỳ 3 tháng/lần với hồ sơ sổ sách và kiểm quỹ 1 tháng / 1 lần. Quy chế chi tiêu nội bộ của trường được xây dựng từ năm 2012, Hội nghị Cán bộ viên chức hàng năm sẽ góp ý điều chỉnh và thống nhất thực hiện theo Nghị quyết Hội nghị Cán bộ viên chức đầu mỗi năm học **[H1-1.6-05] [H1-1.6-06]**.

c) Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được nhà trường thực hiện tốt, đúng mục đích, có hiệu quả để phục vụ các hoạt động của nhà trường. Nhà trường quản lý tài chính, tài sản thông qua các văn bản hướng dẫn cụ thể. Công tác thu, chi và các chế độ công khai tài chính hằng quý đúng quy định, công tác kiểm kê, giám

sát và đề xuất mua sắm sửa chữa phục vụ các hoạt động giáo dục kịp thời. Trường thực hiện báo cáo tài chính với cấp trên theo đúng quy định và được lưu tại hồ sơ của kế toán **[H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]**.

Mức 2:

a) Trường thực hiện quản lý hành chính, tài chính và tài sản thông qua hệ thống các phần mềm: web trường (<http://thpttranvangiau.hcm.edu.vn>), cơ sở dữ liệu ngành (<http://truong.csdl.moet.gov.vn>), hệ thống thông tin quản lý giáo dục (<http://c3.hcm.edu.vn>), quản lý cán bộ (<http://cbcc.hochiminhcity.gov.vn>), Epmis, phần mềm kế toán (Imas), phần mềm khai thuế, phần mềm khai nộp bảo hiểm xã hội. Thực hiện báo cáo trực tuyến 100% theo yêu cầu.

Bộ phận tài vụ của trường thực hiện tốt việc ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính, tài sản thông qua phần mềm quản lý tài sản **[H1-1.6-07]**.

b) Từ năm thành lập trường đến nay, nhà trường không có trường hợp nào vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán **[H1-1.6-08]**.

Mức 3:

Trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Công tác quản lý hành chính nhà trường có nề nếp, có kế hoạch thực hiện các cuộc vận động và tổ chức các phong trào thi đua thường xuyên nhằm động viên khích lệ tinh thần làm việc và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nhà trường thực hiện quản lý tài chính theo quy định, thực hiện thu chi hợp lý, công khai và huy động được nguồn kinh phí hợp pháp nhất định để hỗ trợ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, phổ biến rộng rãi đến từng cán bộ, giáo viên, nhân viên, chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, công khai, công bằng, minh bạch, hiệu quả là niềm tin và xây dựng được đoàn kết trong tập thể sư phạm.

3. Điểm yếu

Hồ sơ nhiều, kho lưu trữ chưa thật sự đảm bảo khoa học, chất lượng.

Trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện thực tế.

Một số thầy cô giáo thực hiện hồ sơ sổ sách còn mang tính đối phó.

Công tác quản lý tài sản của một số phòng ban chưa chặt chẽ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tạo điều kiện để nhân viên tham dự các khóa học bồi dưỡng về nghiệp vụ và chuyên môn để thực hiện tốt hơn việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ lưu trữ. Nhà trường kiểm tra thường xuyên việc thực hiện hồ sơ sổ sách và thực tế vận dụng trong công việc của giáo viên.

Nhà trường xây dựng kế hoạch quản lý tài sản đối với từng phòng ban cụ thể.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về tài chính, thực hiện thu-chi đúng mục đích; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, chi tiết; công khai tài chính theo định kỳ.

Thực hiện kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp điều kiện nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, căn cứ theo công văn tập huấn, bồi dưỡng công tác chuyên môn của Sở, nhà trường tạo điều kiện, phân công giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn **[H1-1.7-01]**. Nhân viên kế toán, văn thư, y tế, thư viện, thiết bị dạy học có trình độ cao đẳng trở lên theo đúng chuyên môn, các nhân viên được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc. BGH đã phân công nhiệm vụ theo đúng chuyên môn cho từng nhân viên.

b) Chuẩn bị cho năm học mới, Hiệu trưởng luôn có kế hoạch sắp xếp nhân sự trình lên cấp trên để có kế hoạch tuyển dụng hợp lý. Hiệu trưởng phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với từng bộ môn, sở trường của mỗi thành viên phù hợp quy định của Luật Viên chức, Luật Lao động, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. Qua đó phát huy thế mạnh của cá nhân khi thực hiện công việc. Hồ sơ quản lý nhân sự, kết quả tuyển dụng bao gồm hồ sơ cá nhân, các loại văn bằng, chứng chỉ đều được lưu theo hồ sơ từng cá nhân. Từ đầu tháng 9 mỗi năm học, sau khi thống nhất biên chế lớp, biên chế GV, hiệu trưởng đã tiến hành họp với các phó hiệu trưởng, TTCM và tổ trưởng Văn phòng để thống nhất định hướng phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thông qua họp lãnh đạo nhà trường và TTCM, TTVP, dựa vào cơ cấu lớp, định hướng của hiệu trưởng, các TTCM đã họp tổ và thống nhất dự thảo phân công của từng tổ. Hiệu trưởng tổ chức họp hội đồng mở rộng gồm các thành viên trong hội đồng trường, các TTCM,

TPCM, TTVP, TPVP, Công đoàn, TLTN đề ra soát, điều chỉnh và ban hành quyết định phân công lao động chính thức. Nhờ vậy, việc phân công, sử dụng CBQL–GV–NV rõ ràng, hợp lý, phù hợp với năng lực của mỗi cá nhân đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường **[H1-1.7-02]**.

c) Nhà trường luôn đảm bảo các quyền của CB-GV-NV theo quy định của Điều lệ trường trung học, Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội. Cụ thể: trường thực hiện đầy đủ chế độ lương, chiết tính thêm giờ, công tác phí, các khoản đóng góp như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... Cuối năm, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách, trường đã chi trả thu nhập tăng thêm cho CB-GV-NV bằng nguồn kinh phí tiết kiệm được sau khi đã trích lập các loại quỹ. Ngoài ra, trường còn thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ và tạo điều kiện cho cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ **[H1-1.7-01]; [H1-1.7-04]**.

Mức 2:

Trong phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý và giáo dục tại đơn vị, hiệu trưởng đã chú trọng phân công phù hợp với năng lực, sở trường, chuyên ngành đào tạo của từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên **[H1-1.7-02]**. Ngoài ra, hiệu trưởng cũng đã có nhiều biện pháp khác để phát huy năng lực đội ngũ như: đẩy mạnh công tác thi đua – khen thưởng, phát động phong trào viết và nhân rộng sáng kiến, giải pháp trong công tác, cử cán bộ học tập nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ **[H1-1.7-05]**.

2. Điểm mạnh

Công tác tổ chức và quản lý nhà trường có tính kế hoạch cao, được sự đồng thuận của cả Hội đồng sư phạm và các đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Hiệu trưởng luôn quan tâm và có kế hoạch cụ thể trong việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại đơn vị. Công tác phân công nhiệm vụ khách quan, rõ ràng, phù hợp năng lực, sở trường đội ngũ. Từ đó, đã góp phần nâng cao chất lượng quản lý, giáo dục và giảng dạy của trường.

Quyền và các chế độ của CB-GV-NV luôn được đảm bảo và kịp thời nên tất cả CB-GV-NV của trường an tâm công tác và cống hiến cho sự phát triển của đơn vị.

3. Điểm yếu

Thời gian tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, GV, CNV còn hạn chế. Các hoạt động giáo dục và rèn luyện kỹ năng mềm cho đội ngũ chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nâng cao nhận thức của giáo viên đồng thời đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động giáo dục.

Nhà trường tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB-GV-NV của trường, đồng thời thực hiện công tác phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với năng lực, sở trường của từng CB-GV-NV.

Tiếp tục tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, đồng thời tiếp tục duy trì công tác khen thưởng, động viên kịp thời khi các nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ để giữ ổn định nguồn nhân lực trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường được quản lý chặt chẽ theo đúng Điều lệ của trường trung học.

Chuẩn bị cho năm học mới hàng năm, Ban lãnh đạo cùng Hội đồng trường họp bàn thống nhất các kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy từng bộ môn, kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp, kế hoạch chủ nhiệm cùng các kế hoạch hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh để triển khai các hoạt động giáo dục, quản lý học sinh một cách tốt nhất, đúng theo Điều lệ trường trung học **[H1-1.1-04]; [H1-1.8-01]**. Kế hoạch giáo dục từng năm học cho biết cách thức, mô hình tổ chức dạy học, chương trình trọng tâm, thời lượng tổ chức các hoạt động học tập, giáo dục, rèn luyện cho học sinh, các quy chế, quy định phù hợp với điều kiện thực tế của trường và địa phương.

Ngoài ra để hỗ trợ dạy học, nề nếp kỷ luật nhà trường còn có thầy cô giám thị. Nhà trường đã xây dựng Nội quy học sinh, có điều chỉnh theo từng năm học để phù hợp với tình hình chung của nhà trường và học sinh.

b) Sau Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức, kế hoạch năm học của trường được ban hành chính thức. Trên cơ sở đó, từng bộ phận, từng tổ chuyên môn cụ thể hóa và đưa vào thực hiện, các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục được thực hiện đầy đủ **[H1-1.1-04]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.1-05]**.

c) Hiệu trưởng tổ chức cuộc họp Hội đồng sư phạm hàng tháng, tổ chức rà soát, đánh giá những ưu điểm, hạn chế và đề ra kế hoạch tháng tới **[H1-1.8-04]**. Cuối mỗi học kỳ, hiệu trưởng đều tổ chức họp liên tịch để rà soát, đánh giá các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch để có biện pháp nhắc nhở, xử lý, điều chỉnh kịp thời **[H1-1.1-05]**.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh đánh giá đạt hiệu quả vào dịp tổng kết mỗi năm học.

Nhà trường thực hiện quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm hiện nay theo Thông tư số 17/2012/TT – BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo qui định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo. Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng triển khai tất cả các văn bản có liên quan đến dạy thêm, học thêm để giáo viên thực hiện cho đúng theo quy định. Hàng tháng, trong các buổi họp Hội đồng sư phạm hiệu trưởng đều có rà soát, nhắc nhở để giáo viên nghiêm túc thực hiện theo thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường chưa thực hiện công tác kiểm tra việc dạy thêm tại nhà của giáo viên mà chỉ mới giám sát bằng hình thức điều tra thông tin từ học sinh [H1-1.1-05]; [H1-1.8-04]; [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Các đoàn thể, tổ chuyên môn thực hiện xây dựng kế hoạch bám sát tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả trong công tác thực hiện kế hoạch.

Trường có kế hoạch cụ thể chỉ đạo việc thực hiện giảng dạy từng môn học theo đúng hướng dẫn của cấp trên. Công tác kiểm tra của Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng và các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn được tiến hành thường xuyên, có nhận xét, rút kinh nghiệm kịp thời cho giáo viên.

Trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp, có tính khả thi cao. Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch tốt, đảm bảo các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch. Có định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch theo tháng, học kỳ và năm học.

3. Điểm yếu

Chưa kiểm tra thực tế việc dạy thêm tại nhà của giáo viên.

Việc rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với trình độ học sinh và nhu cầu thực tế chưa thực hiện đồng bộ ở tất cả các tổ

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng, tổ chức thực hiện, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch gắn với đặc thù địa phương và nhà trường để phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động giáo dục.

Đầu tháng 8 mỗi năm học, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo, xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục trong toàn trường, đề ra các biện pháp hữu hiệu để thực hiện thành công chương trình năm học.

Cập nhật và triển khai kịp thời văn bản các cấp về chương trình và thời gian thực hiện các hoạt động giảng dạy theo kế hoạch.

Tiếp tục duy trì, tăng cường các biện pháp kiểm tra, nhận xét, rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch dạy học, nhắc nhở giáo viên thực hiện tốt việc ghi sổ đầu bài, lịch báo giảng, cập nhật đúng thời gian quy định.

Nhắc nhở, xử lý, giáo dục học sinh thực hiện tốt hơn nề nếp, nội quy.

Nâng cao nhận thức của giáo viên đồng thời đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành đầy đủ sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, thực hiện sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định, một số báo cáo của đoàn thể chưa nêu các hạn chế **[H1-1.9-01]**.

b) Trong những năm qua, nhà trường không nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường **[H1-1.9-04]**.

c) Việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường là vấn đề quan tâm của Ban Giám hiệu và Công đoàn. “Quy chế dân chủ ở cơ sở” được nhà trường xây dựng chặt chẽ, và được đưa ra bàn bạc, lấy ý kiến bổ sung vào mỗi đầu năm học thông qua Hội nghị cán bộ công chức các tổ, sau đó, thống nhất thực hiện theo nghị quyết của Hội nghị cán bộ công chức trường. Những công việc phát sinh trong năm, cần ý kiến thống nhất của tập thể, Hiệu trưởng cũng lấy ý kiến trong buổi họp Hội đồng Sư phạm hoặc là xin ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu hoặc đóng góp ý kiến thông qua các lần họp tổ chuyên môn. Ban Giám hiệu và Công đoàn nhà trường đã làm tốt công tác tiếp nhận và phản hồi thông tin, kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và giải quyết hợp tình, hợp lý, định kỳ 2 lần/năm tổ chức “Đối thoại giữa lãnh đạo và toàn thể giáo viên, nhân viên nhà trường”. Một vài thành viên chưa mạnh dạn góp ý kiến cho đồng nghiệp **[H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]**.

Mức 2:

Nhằm giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, nhất là trong việc thực hiện chế độ chính sách cho người lao

động, việc thực hiện tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, quản lý, sử dụng tài sản, tài chính, Ban TTND đã thực hiện đúng, đủ chức trách nhiệm vụ được giao trong việc giám sát thường xuyên. Thông qua hoạt động giám sát, Ban TTND đã kiến nghị lãnh đạo trường giải trình những vấn đề chưa rõ cho đội ngũ CB-GV-NV được biết **[H1-1.9-04]**. Từ năm học 2019 – 2020, nhà trường lên lịch thực hiện tiếp công dân theo phân công của nhà trường, nắm bắt kịp thời tình hình và có hướng giải quyết nhanh chóng **[H1-1.9-05]**.

2. Điểm mạnh

Theo sự chỉ đạo của Chi bộ trường, đơn vị đã thực hiện đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành tốt sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương. Chấp hành nghiêm chỉnh các thông tư, quyết định của Bộ và sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Hiệu trưởng đã phát huy tốt dân chủ trong trường học, thông qua việc lấy ý kiến rộng rãi CB-GV-NV trước khi ban hành các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của đơn vị. Công tác thực hiện quy chế dân chủ được công khai, minh bạch và hiệu quả.

Trong những năm qua, nhà trường không xảy ra khiếu nại, tố cáo hay kiến nghị, phản ánh.

3. Điểm yếu

Khi triển khai thực hiện Quy chế dân chủ còn có thành viên chưa mạnh dạn hoặc ngại góp ý lẫn nhau.

Có tổ chuyên môn hoặc đoàn thể khi báo cáo thường ghi ưu điểm, ít ghi hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Khuyến khích xây dựng, góp ý lẫn nhau; trong báo cáo cần ghi rõ hạn chế và hướng khắc phục.

Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp tốt với Công đoàn trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tiếp tục công khai, minh bạch những vấn đề viên chức, người

lao động cần phải biết, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ CBVC trong đơn vị để xây dựng môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường đã có phương án phối hợp với Công an quận Bình Thạnh và Công an Phường 13 về việc đảm bảo an ninh trật tự, có phương án phòng cháy chữa cháy

do Công an phòng cháy chữa cháy quận Bình Thạnh phê duyệt. Tổ chức tuyên truyền về công tác phòng cháy chữa cháy trong tiết sinh hoạt dưới cờ và tập huấn cho toàn thể giáo viên, nhân viên. Ngoài ra vào đầu năm học Hiệu trưởng đã ra quyết định thành lập “Ban an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ của trường” và lập kế hoạch về y tế học đường hàng năm để phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; đồng thời, Đoàn thanh niên cũng đã có những kế hoạch truyền thông giáo dục cho học sinh phòng tránh tệ nạn xã hội **[H1-1.10-01] [H1-1.10-02] [H1-1.10-03] [H1-1.10-02]**.

b) Trường có lắp thùng thư góp ý đặt ở sảnh A, trước phòng tiếp công dân, để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân và niêm yết số điện thoại của trường, của Công an Quận Bình Thạnh, Công an Phường 13 để CB-GV-NV kịp thời liên hệ khi cần thiết. Hiệu trưởng có phân công cán bộ quản lý, cán bộ văn phòng, lực lượng bảo vệ theo dõi tình trạng cơ sở vật chất, đề xuất mua sắm, sửa chữa, thay thế nhằm đảm bảo an toàn cho thầy cô giáo và các em HS **[H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]**.

Trong năm qua, tình hình an ninh chính trị trong nhà trường được đảm bảo và giữ vững ổn định. Giáo viên, nhân viên và học sinh luôn an tâm giảng dạy, công tác và học tập. Trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài, lực lượng bảo vệ được phân công trực thường xuyên. Đồng thời, nhà trường còn trang bị camera toàn bộ khu vực khuôn viên trường, nhà xe giáo viên và học sinh, khu vực căn tin, các dãy phòng học và hành lang, nhằm đảm bảo trật tự an toàn trường học **[H1-1.10-05]; [H1-1.10-01]**.

c) Trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường. Học sinh được học tập trong môi trường thân thiện, an toàn. Tuy nhiên vẫn còn có học sinh vi phạm nội quy.

Mức 2:

a) Thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ và hoạt động GDNGLL, nhà trường đã thường xuyên phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn

phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06].

b) Hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra, nắm bắt các vấn đề về bạo lực học đường, an ninh trật tự. Khi phát hiện HS có mâu thuẫn đã kịp thời phối hợp với CMHS và các bên liên quan để hòa giải, xử lý kịp thời. Từ đó, đã ngăn chặn hiệu quả tình trạng bạo lực học đường và nguy cơ gây mất an ninh trật tự nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

2. Điểm mạnh

Trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài, trang bị camera khắp khuôn viên trường, giáo viên và học sinh an tâm khi đến trường giảng dạy và học tập, trường có kế hoạch phân công nhóm bảo vệ (3 người) làm nhiệm vụ trực giữ xe cho giáo viên, phối hợp với Đội dân phòng Phường 13 giữ trật tự, an ninh toàn trường vào đầu giờ và sau mỗi giờ tan học. Đồng thời tổ Giám thị đã làm tốt công tác giám sát, giữ gìn trật tự trong nhà trường.

Lãnh đạo trường quan tâm và có xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

Nhà trường cũng thường xuyên nhắc nhở thầy cô giáo và học sinh những điểm cần lưu ý về tình hình an ninh trật tự chung .

Trường đã thực hiện tốt việc phát hiện và ngăn chặn bạo lực học đường, các vấn đề liên quan đến an ninh trật tự. Nhiều năm liền, trường được Ban chỉ đạo an ninh trật tự, an toàn trường học công nhận là đơn vị đạt chuẩn về an ninh trật tự và đơn vị văn hóa.

3. Điểm yếu

Trong nhà trường vẫn có một số ít học sinh vi phạm kỷ luật, dễ bị kích động thiếu kiềm chế, dễ bị lôi kéo dẫn đến các một số vụ xô xát nhỏ trong học sinh, nhưng đa số đã được nhà trường ngăn chặn kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần chủ động điều tra khảo sát học sinh mới tuyển vào lớp 10 và lập danh sách học sinh chưa ngoan của năm học trước để có định hướng cụ thể cho những học sinh này trong việc thực hiện nội quy nhà trường. Đồng thời tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và thầy cô giám thị phối hợp chặt chẽ với các bộ phận trong và ngoài nhà trường trong quản lý học sinh chấp hành nội quy.

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt để đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy, nổ, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật

Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định, công tác tổ chức và quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường có nền nếp, ổn định và liên tục có những cải tiến. Công tác chỉ đạo, việc triển khai thực hiện và đánh giá chất lượng các mặt hoạt động được thực hiện tốt. Ban lãnh đạo, Ban chấp hành Công đoàn, trợ lý thanh niên và thầy cô tổ trưởng, tổ phó chuyên môn được tập thể giáo viên, nhân viên tin tưởng, tín nhiệm. Kế hoạch công tác của nhà trường được Ban Giám hiệu chỉ đạo cụ thể, rõ ràng, thống nhất. Việc thực hiện quy chế dân chủ công khai, minh bạch trong các hoạt động nên tạo được niềm tin trong giáo viên và nhân viên.

Điểm yếu cơ bản

Tuy nhiên, còn một số điểm yếu như: việc dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường chỉ dừng ở mức độ cho giáo viên đăng kí nhưng chưa có kiểm tra thực tế. Sĩ số lớp học cao so với chuẩn quy định.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 09/10 tiêu chí chiếm 90%
- + Đạt Mức 3: 02/10 tiêu chí chiếm 20%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Lãnh đạo của trường gồm: 01 Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng có đủ năng lực triển khai các hoạt động giáo dục. Đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường là 101 người, có trình độ đào tạo theo đúng quy định, nhiệt tình, tận tâm với nghề và có năng lực đảm bảo yêu cầu theo qui định của Điều lệ trường trung học. Tất cả viên chức, nhân viên của nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định của pháp luật hiện hành. Toàn trường hiện có 46 lớp với **2120** học sinh, học sinh của nhà trường đi học đúng độ tuổi, được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý nhà trường gồm 03 thành viên: 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đảm bảo đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác **[H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04]**.

Hiệu trưởng Nguyễn Đức Chính trình độ chuyên môn Thạc sĩ Hóa học, Thạc sĩ Quản lý giáo dục, trung cấp chính trị (đang học cao cấp chính trị), đã học qua lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục. Năm 2008 được bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng và năm 2012 được bổ nhiệm Hiệu trưởng, số năm vừa quản lý vừa giảng dạy là 22 năm, còn hạn chế về công tác quản lý tài chính.

Phó Hiệu trưởng Văn Thị Đông Xuân trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản lý giáo dục, Cử nhân Toán học, Cử nhân Tin học, trung cấp chính trị, đã học qua lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục. Năm 2012 được bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng, số năm vừa quản lý vừa giảng dạy là 26 năm.

Phó Hiệu trưởng Hoàng Đức Thịnh trình độ chuyên môn Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân kinh tế, trung cấp chính trị, đã học qua lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và đang ôn thi đầu vào cao học ngành Quản lý giáo dục. Năm 2015 được bổ nhiệm phó Hiệu trưởng, số năm vừa quản lý vừa giảng dạy là 14 năm.

b) Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng hằng năm đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhiều năm liên được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp và nhận bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng đạt trình độ trung cấp chính trị, 01 phó hiệu trưởng đang học trung cấp chính trị(chờ thi tốt nghiệp). Ban Giám hiệu thường xuyên được Quận ủy quận Bình Thạnh bồi dưỡng, tập huấn công tác cấp ủy đảng và đã được học qua lớp quản lý giáo dục. Các lớp bồi dưỡng do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức khi được triệu tập đều tham gia đầy đủ [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-04].

Mức 2:

a) Từ năm 2015-2016 đến 2019 – 2020 đều được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt xuất sắc [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-02]; [H2-2.1-04].

Mức 3:

Từ năm 2015-2016 đến 2019 – 2020 đều được Sở giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt mức tốt trở lên [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đạt tiêu chuẩn về phẩm chất, chính trị đạo đức, lối sống, được đào tạo theo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý, có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Hiệu trưởng có tâm, dám nghĩ, dám làm và xây dựng tốt định hướng phát triển của nhà trường; một phó hiệu trưởng giỏi chuyên môn luôn tận tâm với công việc, bám trường, gần gũi giáo viên và học sinh; một phó hiệu trưởng giỏi chuyên môn và tận tâm trong công tác hoạt động phong trào, xây dựng và phát triển tốt các hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống và phong trào của trường. Tập thể lãnh đạo đoàn kết, luôn tự kiểm điểm bản thân để phấn đấu trong công tác.

3. Điểm yếu

Lãnh đạo nhà trường có số năm trong công tác quản lý còn ít, kinh nghiệm quản lý chưa được nhiều. Hiệu trưởng có năng lực quản lý tài chính chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng phải tham gia học tập các khóa bồi dưỡng về tài chính. Sắp xếp thời gian và công việc để phó Hiệu trưởng đi học lớp trung cấp chính trị. Đồng thời lãnh đạo nhà trường phải thường xuyên học hỏi công tác quản lý trường học từ các thầy cô quản lý có kinh nghiệm lâu từ các trường bạn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có

ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 78 giáo viên, đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo việc dạy theo quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) Nhà trường đảm bảo cho giáo viên các quyền sau đây theo Điều 32 Điều lệ trường trung học: Tất cả giáo viên được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được hưởng lương và phụ cấp (nếu có) khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; các giáo viên chủ nhiệm được dự các giờ học, hoạt động giáo dục khác của học sinh lớp mình; được dự các cuộc họp của Hội đồng khen thưởng và Hội đồng kỷ luật khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến học sinh của lớp mình.

Tất cả các môn đều có đủ giáo viên đứng lớp, đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường trung học, trình độ chính trị chủ yếu là sơ cấp (trình độ trung cấp chính trị rất thấp: 10 giáo viên – chiếm 12,8%), giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo.

+ Tổng số giáo viên trực tiếp đứng lớp giảng dạy là 78 người. Số giáo viên trong các tổ chuyên môn: Văn: 10, Sử - QP: 06, Địa: 04, Giáo dục công dân: 03, Tiếng Anh: 11, Toán: 13, Lý-Công nghệ: 09, Hóa: 07, Sinh: 05, Thể dục: 05, Tin học: 05.

+ Hiệu trưởng ra quyết định phân công trực tiếp giáo viên đứng lớp trên cơ sở ý kiến của các phó hiệu trưởng, đặc biệt xem xét hiệu quả công tác, năng lực chuyên môn của năm học trước, tình hình sức khoẻ và nhận xét của tổ chuyên môn (họp cuối tháng 7).

100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định là Đại học sư phạm, **20,98%** giáo viên đạt trình độ trên chuẩn **[H2-2.2-03]**.

Tổng số giáo viên	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Đang học cao học
78	78	20	05
	100 %	25,64%	6,4%

Xếp loại chung cuối năm học của giáo viên đạt loại khá trở lên theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông như sau:

Năm học	Đạt chuẩn	Đạt mức khá	Đạt mức xuất sắc	Xếp loại khá và xuất sắc.
2015-2016	100%	13 – 18,84%	56 – 81,16%	69/69 - 100%
2016-2017	98,6%	13 – 18,06%	56 – 77,78%	69/72 – 95,8%
2017 - 2018	100%	24 – 30,77%	46 – 58,97%	70/78 – 89,7%
2018 - 2019	100%	11 – 14,1%	64 – 82,05%	75/78 – 96,2%
2019 - 2020	100%	15 – 19,2%	63 – 80,8%	78/78 – 100%

Đồng thời hằng năm nhà trường đều tổ chức thi giáo viên giỏi cấp trường và hiện nay có 40/81 giáo viên chiếm tỷ lệ 49,38% giáo viên giỏi cấp trường **[H2-2.2-05]**.

Mức 2:

a) Từ năm 2015-2016 đến 2019 – 2020, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần. Năm học 2015-2016 toàn trường chỉ có 06 thạc sĩ, tỷ lệ 5,45%. Năm học 2019 – 2020, số giáo viên trên chuẩn là 20 người, đạt 25,64% **[H2-2.2-03]**.

b) Từ năm 2015-2016 đến 2019 – 2020, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp và mức khá trở lên có tỷ lệ trung bình là 92,9% **[H2-2.2-04]**.

c) Từ năm học 2013 – 2014 đến 2019 – 2020, trường đều có đề tài tham dự cuộc thi Khoa học Kỹ thuật và có báo cáo định kỳ hằng năm **[H2-2.2-05]; [H2-2.2-08]; [H2-2.2-10]**.

Năm học	NCKH Kỹ thuật cấp TP	NCKH Kỹ thuật cấp QG
2013 – 2014	01 giải Nhì	Không có
2014 – 2015	01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba	01 Giải đặc biệt
2015 – 2016	02 giải Nhất, 02 giải Ba	02 giải đặc biệt
2016 – 2017	02 giải Nhất, 01 giải Nhì, 04 giải Ba	01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích
2017 - 2018	02 giải Nhất, 02 giải Nhì, 02 giải Ba, 05 giải KK	01 giải Nhì, 01 giải Ba
2018 - 2019	01 giải Nhất, 03 giải Nhì, 05 giải Ba	
2019 – 2020	01 giải Nhất, 05 giải Nhì, 09 giải Ba	

Từ năm 2015 đến năm 2019, trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh, Nhà trường tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học cấp trường như: Hội thi Tên lửa nước, biểu diễn xe thể năng. Giáo viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hàng năm trên 95%, không có giáo viên bị kỷ luật **[H2-2.2-05]; [H2-2.2-08]; [H2-2.2-10]**.

Mức 3:

a) Từ năm 2015-2016 đến 2019 – 2020 nhà trường đánh giá, xếp loại GV theo qui định chuẩn nghề nghiệp GV. Kết quả chất lượng tính đến thời điểm đánh giá, có trên 80% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có gần 20% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt **[H2-2.2-03]**.

b) Từ năm 2015-2016 đến 2019 – 2020, nhà trường có CB-GV-NV tham gia nghiên cứu khoa học và báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học định kỳ hằng năm [H2-2.2-08]; [H2-2.2-10].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ giáo viên cơ cấu ở tất cả các bộ môn, Hiệu trưởng khi phân giáo viên giảng dạy có chú ý khả năng chuyên môn, hiệu quả công việc và tâm tư nguyện vọng của cá nhân nên giáo viên rất phấn khởi, yên tâm đầu tư công tác chuyên môn.

Nhà trường đảm bảo các quyền của giáo viên, quan tâm tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy và học tập, bố trí và sử dụng phù hợp năng lực của từng giáo viên.

Tất cả giáo viên của trường đều đạt trình độ chuẩn trở lên. Trường luôn tạo điều kiện để giáo viên được bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, nhiều giáo viên có trình độ thạc sĩ hoặc đang theo học cao học. Không có giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo.

Xếp loại chung cuối năm học của giáo viên đều đạt loại khá trở lên theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông.

Đội ngũ GV-NV nhà trường năng nổ, tích cực, sáng tạo và có năng lực chuyên môn trong việc hướng dẫn học sinh tham gia cuộc thi Khoa học Kỹ thuật.

3. Điểm yếu

Số giáo viên có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tạo điều kiện và động viên để giáo viên tham gia lớp học trung cấp chính trị.

Trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ giáo viên như tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp sau đại học và các lớp bồi dưỡng chuyên môn. Quan tâm, tạo điều kiện để giáo viên học tập nâng cao trình độ, có nhiều biện pháp tích cực trong việc bồi dưỡng tay nghề

cho giáo viên, phân đầu mỗi năm số giáo viên học nâng chuẩn tối thiểu 5% số giáo viên hiện có.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đội ngũ nhân viên đảm nhiệm các vị trí việc làm đúng chuyên môn, công tác thiết bị có giáo viên kiêm nhiệm, thực hiện tốt các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công, cụ thể các giáo viên kiêm nhiệm phụ trách các phòng thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh là những giáo viên thuộc các môn này để đảm bảo được trình độ chuyên môn nhất định [H1-1.7-02].

b) Vào đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng phân công công việc phù hợp, hợp lý theo đúng chuyên môn, năng lực của từng nhân viên, bảo đảm phân công đúng trình độ chuyên môn, tay nghề, năng lực thực tế [H2-2.3-01]; [H1-1.7-02].

c) Nhân viên nhà trường (thủ quỹ, kế toán, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ, nhân viên văn thư) thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ chính sách theo luật định **[H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]**.

Mức 2:

a) Số lượng nhân viên của trường hiện có 20 người (07 hợp đồng Sở và 13 hợp đồng trường), chia ra các bộ phận như sau: văn phòng bao gồm văn thư 01, kế toán 02, thủ quỹ 01, y tế 01, thư viện 01, học vụ 02, nhân viên tin học 01, bảo vệ 03, tạp vụ 03; nhân viên thiết bị 01, nhân viên quản sinh là 04 **[H1-1.7-02]**.

Nhà trường có 02 giáo viên kiêm nhiệm phụ trách Công tác Đoàn và 01 giáo viên kiêm nhiệm phụ trách công tác tham vấn học đường. Nhà trường tạo điều kiện tối đa để giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Sở GDĐT hoặc Quận đoàn tổ chức.

b) Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019 – 2020, không có nhân viên nào bị kỷ luật **[H2-2.3-02]**.

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán, viên chức làm công tác thư viện, thiết bị có trình độ đại học, nhân viên y tế có trình độ trung cấp theo đúng chuyên ngành. Nhân viên văn thư có trình độ đại học không đúng chuyên môn nhưng được học bồi dưỡng công tác văn thư. Nhân viên học vụ có trình độ Đại học Sư phạm, nhân viên tin học trình độ cao đẳng và tất cả đều đã được tham gia các lớp đào tạo về nghiệp vụ. Các nhân viên khác tùy theo công việc phân công nhà trường luôn chú ý tạo điều kiện cho tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ như bảo vệ tham gia lớp bảo vệ, bồi dưỡng công tác phòng cháy chữa cháy **[H2-2.3-01]**.

b) Cán bộ, nhân viên văn thư, kế toán, thư viện, thiết bị đều được tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục triệu tập theo quy định **[H2-2.3-03]**.

Đa số nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, thể hiện qua kết quả thi đua và đánh giá kiểm điểm cuối năm của từng cá nhân. Tuy nhiên, vẫn còn

có nhân viên chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu về chất lượng công việc do bản thân từng cá nhân phụ trách. Nhà trường luôn đảm bảo việc thực hiện chế độ chính sách cho nhân viên theo quy định của nhà nước (Luật Lao động) và theo Nghị quyết của Hội nghị Cán bộ viên chức của trường.

2. Điểm mạnh

Nhân viên của tổ văn phòng là lực lượng hỗ trợ tốt cho hoạt động dạy và học của nhà trường, số lượng nhân viên đầy đủ, đối với nhân viên kế toán, thư viện, y tế, học vụ, nhân viên kỹ thuật đảm bảo trình độ theo đúng quy định. Các bộ phận tổ văn phòng đoàn kết, hoạt động hiệu quả góp phần rất lớn trong việc hỗ trợ hoạt động dạy học và xây dựng nề nếp của nhà trường.

Hiệu trưởng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho nhân viên theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ có trình độ học vấn thấp nên để nâng chất lượng công việc cần phải có thời gian.

Nhân viên văn phòng thường phải giải quyết cùng lúc nhiều công việc đột xuất của nhà trường nên đôi khi chưa sắp xếp thời gian công việc hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường phải thường xuyên giám sát, hướng dẫn, bồi dưỡng về nghiệp vụ. Vận động anh chị em nhân viên tự học nâng trình độ để công việc phụ trách ngày một tốt hơn.

Quan tâm sâu sát và có những định hướng kịp thời để nhân viên sắp xếp thời gian làm việc khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh của nhà trường hiện có 2082 em đảm bảo đúng quy định về độ tuổi, không có học sinh học trước tuổi, độ tuổi cao nhất là sinh ngày 12/01/2001, độ tuổi thấp nhất là sinh ngày 30/12/2004; học sinh lớp 10 có năm sinh 2004, lớp 11 năm sinh 2003 và lớp 12 có năm sinh 2002 (những trường hợp không đúng độ tuổi là do học sinh lưu ban); không có trường hợp học sinh có độ tuổi không đúng quy định của Điều lệ trường trung học vào học tại trường **[H2-2.4-01]**.

b) Đầu tháng 9 mỗi năm học, trường đã tổ chức cho học sinh học tập nội quy, quy định về nhiệm vụ, hành vi học sinh, ngôn ngữ ứng xử của học sinh theo quy định của Điều 38, 41 – Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành. Giáo viên chủ nhiệm, giám thị, Trợ lý thanh niên, giáo viên dạy lớp có trách nhiệm theo dõi giáo dục các em thực hiện **[H6-2.4-01]; [H1-1.5-03]**.

c) Nhà trường đảm bảo các quyền cho học sinh theo quy định tại Điều 39 Điều lệ trường trung học như được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình **[H1-1.10-04]**....Đồng thời được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật. Định kỳ 02 lần/năm tổ chức buổi sinh hoạt đối thoại giữa Ban Giám hiệu, lãnh đạo các đoàn thể với toàn thể học sinh nhà trường. Học sinh có hoàn

cảnh gia đình khó khăn được nhận học bổng từ quỹ khuyến học của trường, của các nhà hảo tâm [H4-4.1-01]. Học sinh được nhà trường khen thưởng khi đạt thành tích cao trong học tập [H2-2.4-02]; học sinh được khám sức khỏe hàng năm [H6-2.4-02].

Trong các buổi sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt lớp, nhà trường và giáo viên chủ nhiệm thường xuyên giáo dục các em học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình về hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh và các hành vi học sinh không được làm. Phụ huynh học sinh và học sinh ký cam kết với trường không vi phạm Luật giao thông. Tuy vậy một số ít học sinh chưa thấy trách nhiệm của bản thân trong việc học, thực hiện nội quy còn thiếu thường xuyên, biểu hiện như việc sử dụng điện thoại trong lớp, gây gổ với nhau nhất là học sinh lớp 10.

Mức 2:

Trường có thầy cô quản sinh, theo dõi chặt chẽ, ngăn chặn và phát hiện kịp thời những học sinh vi phạm nội quy, thường xuyên kết hợp với giáo viên chủ nhiệm, Đoàn thanh niên và cha mẹ học sinh để có những biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực. Hàng tuần đều có tổ chức thi đua giữa các lớp, các khối, có sơ kết, tổng kết, phát quà, phát cờ đối với những lớp đạt thứ hạng cao [H1-1.5-03]; [H2-2.4-03].

Mức 3:

Học sinh tích cực học tập, rèn luyện đạt nhiều thành tích cao trong học tập. Trong các năm qua, tỷ lệ học sinh khá giỏi mỗi năm đều tăng, học sinh yếu, kém, lưu ban giảm đáng kể và các hoạt động phong trào, có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-02]; [H1-1.8-02].

Trường có số lượng học sinh đạt thành tích trong các cuộc thi Giải toán trên máy tính Casio; học sinh Giỏi cấp Thành phố Khối 12; học sinh Giỏi trong cuộc thi Olympic tháng 4 khối 10 và khối 11; học sinh tham gia nghiên cứu Khoa học kỹ thuật tăng liên tục hàng năm từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020 [H2-2.4-04].

2. Điểm mạnh

Học sinh của trường đảm bảo các quy định về độ tuổi theo học, được tạo điều kiện tốt để học tập và rèn luyện, được thường xuyên giáo dục kỹ năng sống. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức nhiều hoạt động văn nghệ, vui chơi giải trí và tạo điều kiện cho học sinh hoạt động tốt. Các quyền của học sinh được tôn trọng, học sinh có thái độ lễ phép, cư xử đúng mực và cố gắng trong học tập. Thành tích học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh Giỏi cấp Thành phố, Nghiên cứu khoa học tăng đều qua các năm.

Trường triển khai và thực hiện tốt nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục thực hiện đúng quy định tại các Điều 38, 39 và 40 của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành.

Trường thực hiện nghiêm túc quy định về các hành vi không được làm tại Điều 41 của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành.

Thành lập các câu lạc bộ thể dục thể thao, đội văn nghệ... cho học sinh tham gia để rèn luyện bản thân.

3. Điểm yếu

Còn một số ít học sinh chưa ý thức được trách nhiệm học tập của mình, lơ là trong học tập, vi phạm nội quy nhà trường. Phương pháp tự học của học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh qua tiết sinh hoạt chủ nhiệm, các tiết sinh hoạt dưới cờ và lồng ghép trong các giờ dạy của giáo viên.

Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giám thị cần phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hơn trong việc giáo dục các em học sinh chưa ngoan.

Phối hợp với các tổ chuyên môn tổ chức những tiết học ngoài nhà trường, các tiết học thực tế, đồng thời tổ chức các buổi hội thảo tại lớp để giúp học sinh xây dựng ý thức tự học và giúp các em yêu thích môn học hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo các tiêu chuẩn quy định, trình độ trên chuẩn của giáo viên cao. Ban Giám hiệu luôn gần gũi, lắng nghe ý kiến đóng góp của thầy cô giáo để kịp thời điều chỉnh các hoạt động giáo dục của nhà trường. Tổ chức Công đoàn luôn quan tâm đến tâm tư nguyện vọng, đời sống công đoàn viên. Đoàn Thanh niên luôn là cầu nối gắn kết giữa lãnh đạo nhà trường và toàn thể học sinh, đảm bảo cho các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, phong trào của nhà trường phát triển vững mạnh. Học sinh tiến bộ về nhiều mặt trong nhận thức và hành động. Các thành viên trong nhà trường đoàn kết, tương trợ, động viên nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ, hướng tới việc phát triển toàn diện nhà trường.

Điểm yếu cơ bản

Tỷ lệ giáo viên có trình độ chính trị còn thấp.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 3: 4/4 tiêu chí chiếm 100%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu được xây dựng mới hoàn toàn và đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2012. Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường, có nhiều cây xanh, khuôn viên thoáng, xanh sạch theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có khu phòng làm việc, phòng học bộ môn, phòng công đoàn, phòng tham vấn cho học sinh, văn phòng đoàn thanh niên, văn phòng chi đoàn giáo viên,

phòng y tế, phòng giám thị, phòng tiếp cha mẹ học sinh, thư viện, phòng vi tính học sinh, tất cả các phòng đều có kết nối internet để phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có khu đỗ xe của giáo viên, khu đỗ xe của học sinh riêng biệt, có sân rộng để các em học sinh vui chơi và có trang bị dụng cụ tập thể dục, khu nhà vệ sinh của giáo viên, học sinh và hệ thống nước máy cung cấp đủ lượng nước sinh hoạt theo quy định. Đặc biệt, toàn sân trường được trang bị mái che tự động, đảm bảo cho việc học tập, sinh hoạt ngoài trời của học sinh.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổng diện tích mặt bằng của nhà trường 14.875m², đã xây dựng được môi trường giáo dục sạch, đẹp, có bồn hoa, cây cảnh, tạo cảnh quan sư phạm luôn được thoáng mát, đảm bảo sức khỏe cho giáo viên và học sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.1-

02]; [H3-3.1-03].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, xung quanh là 04 con đường nội bộ bao bọc; trường có một cổng chính, ba cổng phụ thuận tiện cho việc ra vào của giáo viên và học sinh; có tường bao, cổng trường, biển trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H3-3.1-02]; [H3-3.1-04].**

c) Nhà trường có sân chơi với diện tích 1800m^2 ; sân bóng đá, sân bóng chuyền với diện tích 2240 m^2 và nhà thi đấu 680 m^2 cùng với các dụng cụ tập luyện thể dục thể thao đúng theo quy định **[H3-3.1-05] [H3-3.1-06]; [H3-3.1-03].** Khuôn viên nhà trường sạch sẽ, thoáng mát, các mảng xanh được chú trọng, quan tâm tới việc giữ gìn vệ sinh chung của trường lớp. Hằng năm trường đều có kế hoạch xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, ban hành các quy định về giữ gìn vệ sinh, cảnh quan của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập được trang bị các dụng cụ phù hợp để học sinh tập luyện các môn thể thao như bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền, cầu lông **[H3-3.1-06];** trang bị các dụng cụ luyện tập thể dục thể thao; đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục như sinh hoạt dưới cờ, ngoại khóa, hướng nghiệp, tham gia các hoạt động học tập bên ngoài lớp học, giáo dục Stem, giáo dục kỹ năng sống **[H3-3.1-03].**

Sân trường có mái che tự động, cây xanh tạo bóng mát cho học sinh khi tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí sau những giờ học tập **[H3-3.1-05].**

Mức 3:

Trường có diện tích bình quân $7\text{m}^2/\text{học sinh}$. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích 4720m^2 bằng 31,73% tổng diện tích sử dụng **[H1-3.1-01].**

2. Điểm mạnh

Đảm bảo được tổng diện tích mặt bằng của nhà trường tính theo đầu học sinh, tách biệt với nhà dân, có tường rào bảo vệ. Khuôn viên trường rộng, cơ sở vật chất khang trang, phòng học có đủ ánh sáng và thông gió tự nhiên, thường xuyên

được bảo quản và chăm sóc. Hằng năm đều có kế hoạch trồng bổ sung cây xanh để làm đẹp thêm cảnh quan của trường, đảm bảo môi trường vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan đẹp.

3. Điểm yếu

Trường xây dựng trên nền đất yếu nên khuôn viên trường có nhiều nơi bị sụp lún.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường đang xin chủ trương, kinh phí hỗ trợ không thường xuyên và cùng với kinh phí thường xuyên của trường để sửa chữa kịp thời, quan tâm chăm sóc cây xanh để tăng bóng mát cho toàn bộ khuôn viên sân trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có tổng cộng là 48 phòng học, năm học 2019 – 2020 sử dụng 45 phòng học cho 45 lớp; Trong 01 phòng học có đầy đủ bàn ghế học sinh (24 bàn/48 học sinh), 01 bàn giáo viên, 01 ghế giáo viên phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, có bảng viết, bảng thông tin, tủ sách mini, quạt trần, rèm cửa để tránh chói nắng, có hệ thống âm thanh cho mỗi phòng học để thi nghe môn Tiếng Anh, các phòng học đều có treo ảnh Bác Hồ **[H3-3.1-02]; [H3-3.1-06]**.

Bàn ghế học sinh có kiểu dáng, kích thước, màu sắc phù hợp cho việc học tập của các em với loại bàn có mặt bàn bằng gỗ, chân sắt, ghế 1 chỗ ngồi, mặt ghế bằng gỗ, chân ghế bằng sắt và bàn ghế của giáo viên đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế **[H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]**.

b) Trường có đầy đủ phòng bộ môn cho các môn. Mỗi phòng bộ môn có hệ thống máy tính, máy chiếu, có trang bị điện thoại nội bộ, hệ thống âm thanh, đồng hồ treo tường và nối mạng, trang bị rèm cửa để tránh chói nắng, tủ, kệ, bàn ghế phù hợp đặc điểm của phòng bộ môn theo quy định **[H3-3.2-03] [H3-3.2-04]**. Tuy nhiên, việc quản lý, đầu tư tài liệu và sử dụng phòng bộ môn thực hiện chưa có hiệu quả.

c) Trường có khối phục vụ học tập, sinh hoạt chung gồm các phòng như phòng hoạt động Đoàn thanh niên, thư viện, phòng chi đoàn giáo viên, phòng công đoàn **[H3-3.2-05]**. Các phòng chức năng này đáp ứng tốt yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Trường có trang bị 01 văn phòng Đoàn, có 02 máy vi tính được kết nối Internet; 01 phòng Thư viện với tổng diện tích 150m², được trang bị 8000 đầu sách **[H3-3.2-05]**. Trường có phòng truyền thống

Mức 2:

a) Trường có các phòng học và phòng bộ môn Sinh học, Hóa học, Vật lý, Toán học, Anh văn, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, GD&ĐT, phòng Tin học được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS khuyết tật hòa nhập [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

Trường có 04 dãy nhà, bố trí đầy đủ phòng học và phòng chức năng, đáp ứng yêu cầu các hoạt động giáo dục và giảng dạy theo quy định [H3-3.2-01]; [H3-3.1-03].

b) Trường có khôi phục vụ học tập gồm các phòng như phòng hoạt động Đoàn, thư viện và phòng truyền thống. Các phòng đáp ứng tốt yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định. Thư viện được bổ sung thêm các đầu sách phục vụ bạn đọc mỗi năm, phòng thư viện có bố trí bàn ghế sạch sẽ, không gian thoáng mát, là nơi giáo viên và học sinh thư giãn, nghiên cứu, học tập. Phòng Đoàn là nơi các câu lạc bộ văn nghệ, nhạc cụ, thể thao,... sinh hoạt, trao đổi học tập kinh nghiệm và sinh hoạt chung [H3-3.2-05].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Phòng bộ môn Lý, Hóa, Sinh, Anh, Sử, Toán, Văn, Địa, GD&ĐT có gắn máy chiếu cố định thuận lợi cho giáo viên trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Các phòng bộ môn có kết nối Internet phục vụ dạy học [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04]; [H3-3.2-05].

Có phòng học dành cho học sinh hòa nhập, phòng tư vấn tâm lý có giáo viên kiêm nhiệm được học qua lớp đào tạo phụ trách tư vấn tâm lý học sinh [H3-3.2-04].

2. Điểm mạnh

Có đủ số phòng học để đảm bảo 01 lớp/ 01 phòng, phòng học và bàn ghế đạt chuẩn để dạy và học. Mỗi môn đều có phòng bộ môn riêng nên rất thuận lợi trong các hoạt động của tổ chuyên môn, các phòng bộ môn đều được kết nối mạng phục vụ cho hoạt động học tập.

3. Điểm yếu

Tổ chuyên môn quản lý, đầu tư tài liệu và sử dụng phòng bộ môn chưa có hiệu quả. Trường chưa có phòng truyền thống.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đề ra các biện pháp quản lý hiệu quả để khai thác và sử dụng tốt các phòng chức năng, phòng học bộ môn như:

Xây dựng kế hoạch tổ chuyên môn phải có nội dung phân công quản lý, kiểm tra, lưu trữ tài liệu trên máy tính, trang bị tài liệu hàng năm của phòng bộ môn để thu hút giáo viên sử dụng phòng bộ môn.

Trang bị thêm hình ảnh, thiết bị dạy học cho phòng bộ môn.

Ban Giám hiệu tăng cường kiểm tra việc thực hiện theo kế hoạch của tổ.

Nhà trường xây dựng kế hoạch xin chủ trương Sở Giáo dục để trang bị phòng truyền thống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

a) Nhà trường có đầy đủ khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính đạt chuẩn quy định như 01 phòng làm việc cho Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng tài vụ, 01 phòng học vụ, 01 phòng kế toán, 01 phòng giáo viên, 01 văn phòng đoàn, 01 phòng chi đoàn giáo viên, 01 phòng công đoàn, 01 phòng thư viện, 01 phòng tư vấn, 01 phòng y tế, 01 phòng tiếp cha mẹ học sinh, 01 phòng nghiên cứu khoa học, 01 phòng giám thị, 01 phòng nghỉ nam giáo viên, 01 phòng nghỉ nữ giáo viên, 01 phòng tập nhảy, 01 hội trường 150 chỗ ngồi, 05 nhà kho, 01 phòng họp, có căn tin dành riêng cho học sinh và giáo viên, chưa có phòng truyền thống **[H3-3.3-01]; [H3-3.3-02]**. Sơ đồ bố trí, sắp xếp các khối phòng hợp lý, mỗi phòng được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ hoạt động của từng phòng.

Nhà trường có phòng y tế với 01 nhân viên y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Phòng được trang bị thiết bị y tế tối thiểu như giường (5 cái), tủ để dụng cụ y tế và hồ sơ cho người bệnh, bàn để khám bệnh, máy đo huyết áp và tủ thuốc đầy đủ các loại thuốc thông thường, được cập nhật định kỳ hằng năm theo quy định của Sở Y tế để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho giáo viên và học sinh.

Các phòng chức năng được trang bị 30 máy vi tính, 15 máy in riêng, 03 máy photocopy, 01 máy fax. Các phòng chuyên môn có trang bị 04 bảng tương tác, 06 máy chiếu, 06 tivi, 03 phòng máy tính có 144 máy, toàn bộ máy tính được kết nối internet để phục vụ các hoạt động giáo dục **[H3-3.2-01]**, chưa có mạng nội bộ và chưa phủ sóng Wi-fi toàn trường.

b) Trường có 01 khu để xe riêng cho CB-GV-NV và 01 khu riêng dành cho HS. Khu để xe có nền xi măng bằng phẳng, rộng rãi, có mái che nắng, mưa vững chắc, có trang bị camera. Khu để xe được bố trí hợp lý vị trí gần cổng ra vào, không băng ngang sân trường, thuận lợi cho việc di chuyển của giáo viên, nhân viên và học sinh, đảm bảo an toàn, trật tự không gây tiếng ồn ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục của nhà trường **[H3-3.3-03]**. Tuy nhiên, khu để xe của HS chưa đáp ứng đủ nhu cầu của HS, một số xe phải để ngoài nắng.

c) Trường có 01 nhân viên thiết bị chuyên phụ trách định kỳ kiểm tra, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cần thiết cho khối hành chính, văn phòng; liên kết với công ty ngoài nhà trường để định kỳ bảo trì máy vi tính, máy photocopy **[H3-3.3-03]**.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị được bố trí hợp lý, khoa học. Hiện tại trường có 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng học vụ, 01 phòng kế toán, 01 phòng giám thị, 01 phòng y tế, 01 phòng giáo viên, 02 phòng nghỉ giáo viên **[H3-3.3-01]**. Trường có bố trí khu vực ăn trưa cho học sinh đăng ký bán trú tại trường, có căn tin phục vụ đảm bảo các điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho CB-GV-NV và HS **[H3-3.3-04]**. Khu nhà nghỉ giáo viên được trang bị giường nghỉ, máy lạnh, quạt... đầy đủ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên **[H3-3.3-05]**.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ thiết bị như máy tính, máy in, bàn ghế, tủ hồ sơ và các vật dụng theo đặc thù của từng phòng. Tất cả được sắp xếp hợp lý khoa học hỗ trợ các hoạt động nhà trường **[H3-3.2-01]; [H3-3.3-02]**.

Trường có 01 nhân viên phụ trách thiết bị, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, sửa chữa đảm bảo phục vụ tốt cho việc dạy và học **[H3-3.3-03]**.

2. Điểm mạnh

Các phòng phục vụ học tập, khối hành chính đều rộng, thoáng mát, có đầy đủ ánh sáng, vệ sinh sạch sẽ, được trang bị đầy đủ máy in, máy tính nối mạng internet để đáp ứng kịp thời cho từng bộ phận làm việc.

Phòng y tế được trang bị, mua sắm đầy đủ để phục vụ cho việc sơ cấp cứu ban đầu cho học sinh và giáo viên. Việc quản lý và sử dụng khối phòng nói trên được thực hiện đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Chưa có mạng nội bộ và chưa phủ sóng Wi-fi toàn trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đồng thời lắp đặt mạng nội bộ và phủ sóng Wi-fi toàn trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các công trình vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ (gồm 12 khu vực dành cho học sinh và 02 khu vực dành cho giáo viên), được xây dựng ở các vị trí phù hợp với cảnh quan và thuận tiện; Các phòng vệ sinh thường xuyên sạch sẽ và đảm bảo an toàn vệ sinh nơi công cộng [**H3-3.4-01**]. Chưa có nhà vệ sinh dành riêng cho học sinh khuyết tật.

b) Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch của công ty cấp thoát nước Gia Định đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn, có giấy chứng nhận của công ty cung

cấp nước uống [H3-3.4-02] [H3-3.4-03]. Hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu hợp vệ sinh và việc giữ gìn vệ sinh chung trong toàn trường luôn được quan tâm thực hiện có hiệu quả. Tuy nhiên ý thức giữ vệ sinh và bảo quản của công của một số học sinh chưa cao. Để bảo đảm thêm trường cũng trang bị nước khoáng dùng chung ở từng lớp để đảm bảo sức khỏe cho HS [H3-3.4-04].

c) Trường có trang bị nhiều thùng chứa rác trong khuôn viên. Trường có hợp đồng với Công ty Dịch vụ công ích thu gom rác thải mỗi ngày. Việc thu gom rác hàng ngày được nhân viên tạp vụ và HS trực nhật của các lớp tập kết ở các thùng rác thành khu riêng biệt, để nhân viên Công ty thu gom rác thải đến thu gom, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm góp phần làm sạch sẽ trường lớp [H3-3.4-05].

Mức 2:

a) Trường THPT Trần Văn Giàu có 02 khu vực dãy phòng học, ở đầu mỗi dãy đều có nhà vệ sinh nam nữ riêng biệt nên rất thuận tiện cho GV, HS. Khu vệ sinh dành cho GV được bố trí trong khu hành chính. Khu vệ sinh dành cho HS được bố trí ở đầu từng dãy phòng học. Các khu vệ sinh được thiết kế, xây dựng đúng tiêu chuẩn, có cửa ra vào, có đặt chậu cây xanh, có hệ thống vòi xịt, bồn rửa tay, chậu tiêu đúng quy định [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có hệ thống cấp thoát nước được bố trí đúng quy định [H3-3.4-02]. Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-04]; [H3-3.4-03]; hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn; hệ thống thoát nước được nạo vét thường xuyên. Việc thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng đến công tác vệ sinh, sức khỏe và an toàn trường học. Khu vực để xe của giáo viên và học sinh cũng như các công trình vệ sinh được xây dựng và bố trí hợp lý, đảm bảo tốt an ninh và an toàn trường học. Nhà trường có nguồn nước sạch để sinh hoạt.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một vài học sinh chưa ý thức trong việc sử dụng nhà vệ sinh, làm hư hỏng các thiết bị sử dụng điện, nước. Nhà trường chưa có nhà vệ sinh dành riêng cho học sinh khuyết tật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phối hợp với Đoàn thanh niên phát động các phong trào nhằm khuyến khích học sinh giữ gìn vệ sinh chung, đặc biệt là ý thức trong việc sử dụng nhà vệ sinh. Cải tạo hai phòng vệ sinh (01 nam, 01 nữ) dành cho học sinh khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đủ thiết bị văn phòng, bao gồm: 17 máy tính, 12 máy in, 2 máy photo, 05 điện thoại để bàn, 16 tủ hồ sơ ở các phòng hành chính phục vụ cho công tác quản lý và các hoạt động hành chính của nhà trường. Trường có 01 máy in màu phục vụ in các loại tài liệu, hình ảnh phục vụ một số hoạt động của nhà trường **[H3-3.2-01]**.

b) Các thiết bị dạy học tối thiểu từ khối lớp 10 đến khối lớp 12 được trang bị đầy đủ như bảng biểu, máy cassette, máy chiếu, bảng tương tác thông minh, đồ dùng, dụng cụ thực hành thí nghiệm,...; Trường có 3 phòng thực hành, thí nghiệm (Lý, Hóa, Sinh), mỗi phòng được trang bị một Tivi và thiết bị dạy học bộ môn để thực hiện việc ứng dụng CNTT và thực hành, thí nghiệm; 3 phòng máy Tin học; 09 phòng bộ môn có trang bị máy chiếu hoặc bảng tương tác hoặc tivi, được kết nối mạng Internet để dạy những tiết có ứng dụng CNTT, 1 phòng thiết bị chứa đồ dùng dạy học chung của các môn (Toán, Ngữ văn, Sử, Địa, GD&ĐT...) từ lớp 10-12, cơ bản đáp ứng được yêu cầu tối thiểu giảng dạy và học tập của GV và HS. Nhà trường có 01 nhân viên phụ trách để bảo quản thiết bị, đồ dùng dạy học theo từng khối lớp để nâng cao hiệu quả bảo quản và giá trị sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học **[H3-3.5-01]; [H3-3.2-01]**.

c) Nhà trường đã bố trí kho, kệ, tủ, giá treo thiết bị đồ dùng, lập các sổ theo dõi sử dụng thiết bị, có nội quy phòng thí nghiệm thực hành để các giáo viên kiêm nhiệm phụ trách phòng thí nghiệm có trách nhiệm bảo quản. Hằng năm trường tiến hành kiểm tra về việc bảo quản thiết bị giáo dục và đồ dùng dạy học. Thông qua bộ phận phụ trách và tổ chuyên môn đề xuất nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm, tu sửa đầu mỗi năm học **[H1-1.6-05]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-02]**.

Mức 2:

a) Toàn bộ hệ thống máy tính trong trường đều được kết nối Internet phục vụ tốt công tác quản lý và hoạt động dạy học. Hệ thống máy tính của trường được kết nối internet cáp quang, có trang bị Wifi tại khu vực các phòng chức năng, khu vực phòng GV và phòng học vụ **[H3-3.5-03]**. Hệ thống Internet của trường đủ đáp ứng

được yêu cầu nghiên cứu, khai thác tài liệu ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và quản lý.

b) Ngoài bộ thiết bị tối thiểu, nhà trường còn có thêm các thiết bị dạy học khác theo qui định, đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy và học tập của GV và HS. Thiết bị dạy học, tranh ảnh, băng đĩa, phần mềm, súng mô hình, súng gỗ, lựu đạn mô hình, dụng cụ thể thao như: cầu, vợt, đệm nhảy, giá đỡ, sào, bàn đạp, bóng, dây...được sắp xếp, trưng bày, cất giữ tại các phòng học bộ môn và kho thiết bị **[H3-3.5-01]; [H3-3.2-01]**.

c) Vào mỗi đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch và bản đề nghị của các tổ chuyên môn, hiệu trưởng và bộ phận quản lý cơ sở vật chất tổ chức mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học phục vụ công tác dạy và học. Ngoài ra, trường còn phát động GV tự làm các thiết bị dạy học **[H3-3.5-04]; [H3-3.5-02]**. Thiết bị dạy học tự làm của GV phần lớn là tranh, sơ đồ, bảng phụ đơn giản, tuy nhiên, các đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chưa nhiều và việc sử dụng đồ dùng dạy học của một vài giáo viên chưa hiệu quả.

Mức 3:

Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đủ thiết bị tối thiểu đảm bảo hoạt động dạy học; giáo viên có sử dụng đồ dùng dạy học trong các giờ lên lớp **[H3-3.5-01]**. Giáo viên sử dụng và bảo quản đồ dùng dạy học có hiệu quả, ngoài ra còn tự làm đồ dùng dạy học để phục vụ cho giảng dạy (vẽ tranh ảnh, scan, in ấn...) **[H3-3.5-04]**. Việc đầu tư tự làm đồ dùng dạy học chưa nhiều, chưa thường xuyên, không phải giáo viên nào cũng làm. Vào đầu năm học, căn cứ vào nội dung chương trình dạy học; phương pháp dạy học và danh mục thiết bị của nhà trường, GV lập kế hoạch sử dụng thiết bị. Nhân viên quản lý thiết bị căn cứ kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học của GV sắp xếp, bố trí các thiết bị cần thiết để phục vụ.

Hiện tại vẫn còn giáo viên ngại khó, chưa tiếp cận tốt các thiết bị dạy học hiện đại như các phần mềm thí nghiệm ảo, bài giảng E-learning dẫn đến việc sử dụng thiết bị dạy học chưa đạt hiệu quả cao **[H3-3.5-05]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư, mua sắm đầy đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học cho các tổ bộ môn. Thường xuyên quy định giáo viên phải sử dụng đồ dùng dạy học khi lên lớp (đã đưa vào tiêu chuẩn thi đua của giáo viên). Có kho chứa thiết bị các môn Lý, Hóa, Sinh. Phó Hiệu trưởng phụ trách luôn quan tâm, theo sát hoạt động chuyên môn, việc thực hành thí nghiệm của các tổ bộ môn.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học chưa hiệu quả. Phong trào làm đồ dùng dạy học chưa phát triển mạnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát động phong trào làm đồ dùng dạy học và đưa vào tiêu chuẩn thi đua của tổ chuyên môn. Có kế hoạch giám sát, kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học chặt chẽ hơn để góp phần tạo sự yêu thích môn học ở học sinh. Hiệu trưởng chủ động liên hệ công ty cung cấp thiết bị dạy học để tổ chức lớp tập huấn về kỹ năng sử dụng TBDH cho giáo viên, nhất là đối với các TBDH tân tiến, hiện đại khó vận hành và sử dụng.

5. Tự đánh giá : Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện của trường với diện tích 150 m², trang bị 06 máy vi tính kết nối internet, có phòng đọc và kho sách, thư viện được đặt tại khu vực trung tâm của trường thuận tiện cho hoạt động của giáo viên và học sinh. Có giá tủ chuyên dùng để đựng sách, báo, tạp chí, bản đồ, có đủ ánh sáng cho phòng đọc và cho cán bộ làm công tác thư viện. Thư viện có 8000 đầu sách với đầy đủ sách giáo khoa, sách nghiệp vụ của giáo viên tất cả các bộ môn, sách tham khảo và các loại báo, tạp chí tập san của ngành Giáo dục.

b) Tất cả các loại ấn phẩm trong thư viện được mô tả phân loại, tổ chức mục lục, sắp xếp theo đúng nghiệp vụ thư viện. Có nội quy thư viện, bản hướng dẫn giáo viên, học sinh, cán bộ quản lý sử dụng tài liệu trong thư viện [H3-3.6-02]. Có cán bộ chuyên trách thư viện được đào tạo chính quy. Thư viện nhà trường có đủ các loại hồ sơ, sổ sách để theo dõi mọi hoạt động của thư viện như: các loại sổ đăng ký, sổ mượn sách của giáo viên, học sinh [H3-3.6-01]; [H3-3.6-03]. Đồng thời, ở mỗi lớp học được trang bị tủ sách mini do cán bộ lớp trực tiếp quản lý [H3-3.6-01].

c) Đầu mỗi năm học bổ sung kịp thời nguồn sách cho thư viện, đảm bảo đầy đủ sách giáo khoa, sách tham khảo, báo, tạp chí Phối hợp với nhà sách Fahasa trưng bày, triển lãm sách hàng năm. Số lượng sách giáo viên và học sinh mượn và đọc trong năm 2019 – 2020 là 71 và 295 người. Ngoài ra thư viện còn có tủ sách pháp luật, đầy đủ những văn bản pháp quy của ngành và được bổ sung theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-04] [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

Mức 2:

Thư viện trường được Sở GD&ĐT Tp. Hồ Chí Minh công nhận Thư viện đạt chuẩn “Thư viện trường học” theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn Thư viện trường phổ thông năm 2015 [H3-3.6-07].

Mức 3:

Thư viện đạt chuẩn thư viện tiên tiến theo quyết định: 01/2003/QĐ-BGD&ĐT từ năm học 2015 – 2016 đến năm 2019 – 2020

Hoạt động của thư viện trường luôn đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường có 01 nhân viên chuyên trách về công tác thư viện, trực thường xuyên các buổi trong tuần, sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30, tối từ 17 giờ 10 đến 19 giờ và có một số học sinh làm cộng tác viên hỗ trợ công tác thư viện. Việc quản lý và tổ chức phục vụ của nhân viên thư viện đáp ứng tốt nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện được trang bị 06 máy vi tính có kết nối Internet nhằm đặc biệt quan tâm tới việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy. Các phòng làm việc của Ban lãnh đạo, phòng học vụ, phòng hành chính, thư viện, phòng học tin học đều được kết nối internet. Website của trường được cập nhật đầy đủ thông tin đáp ứng yêu cầu giáo dục của nhà trường (địa chỉ website: thpttranvangiau.hcm.edu.vn) [H3-3.6-04]; [H3-3.6-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thư viện đạt chuẩn với các đầu sách được cập nhật kịp thời, số lượng sách tham khảo tương đối nhiều, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp; Có sổ sách theo dõi việc mượn, trả sách chặt chẽ. Mỗi lớp học đều được trang bị tủ sách mini, có chìa khóa với đủ loại sách phong phú và đa dạng.

3. Điểm yếu

Chưa thực sự thu hút học sinh vào thư viện, số lượng học sinh mượn sách sử dụng còn quá thấp, chưa phát triển mô hình thư viện điện tử.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm của thư viện cần có nội dung kết hợp với tổ chuyên môn để có kế hoạch phát động phong trào đọc sách trong học sinh. Tìm hiểu về mô hình hoạt động của thư viện điện tử để xây dựng và triển khai thực hiện trong năm 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có cơ sở vật chất tốt, phòng chức năng đầy đủ, thư viện đạt chuẩn, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý phục vụ có hiệu quả cho đổi mới hình thức tổ chức học tập và phương pháp giảng dạy.

Trường bố trí các khu vực làm việc và các phòng chức năng ở các vị trí thích hợp tạo không gian làm việc và học tập theo hướng năng động và thân thiện. Sân chơi, bãi tập rộng rãi, thoáng mát bảo đảm yêu cầu xanh sạch đẹp.

Điểm yếu cơ bản

Chưa thực sự thu hút học sinh vào thư viện đọc sách. Một số giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học chưa hiệu quả. Phong trào làm đồ dùng dạy học chưa phát triển mạnh.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 3: 4/6 tiêu chí chiếm 66,7%

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là nguyên tắc quan trọng trong hoạt động giáo dục nhà trường nên việc tạo dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia

đình và xã hội luôn được trường quan tâm sâu sắc vì đây chính là tiền đề cho việc thực hiện tốt các hoạt động dạy và học trong nhà trường. Trong nhiều năm qua, nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và cá nhân khi thực hiện các hoạt động giáo dục để huy động các nguồn lực góp phần xây dựng nhà trường, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh ngày càng hiệu quả hơn.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban Đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ban đại diện CMHS của trường hoạt động trên tinh thần tự nguyện, phối hợp cùng trường giáo dục HS, chăm lo cho HS nghèo, HS có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng, động viên HS và hỗ trợ cho các hoạt động phong trào của HS **[H4-4.1-01]**.

Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức buổi họp giữa giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh của các lớp, bầu ra Ban Đại diện cha mẹ học sinh của từng lớp gồm 03 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 ủy viên. Đại hội Đại biểu cha mẹ học sinh các lớp sẽ lựa chọn và bầu ra Ban Đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm 9 thành viên **[H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]**.

b) Vào các kỳ Đại hội, Ban đại diện CMHS đều xây dựng dự thảo báo cáo hoạt động của năm trước và kế hoạch hoạt động cho năm tiếp theo nhằm đề ra những phương hướng trọng tâm trong năm học mới, phát huy hết sự phối hợp giữa phụ huynh học sinh và trường. Kế hoạch được sự đóng góp ý kiến của Ban đại diện CMHS trường và ban hành chính thức sau kỳ họp **[H4-4.1-05]**.

c) Mỗi năm học trường tổ chức 03 cuộc họp cha mẹ học sinh toàn trường (vào đầu năm học, cuối học kỳ 1, cuối học kỳ 2). Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường họp với Hiệu trưởng một tháng một lần vào 18 giờ thứ 3 tuần thứ 4 của tháng và các cuộc họp đột xuất (nếu cần). Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường họp với Ban Đại diện cha mẹ học sinh các lớp 02 lần trong 1 năm học **[H4-4.1-06]**.

Nội dung các cuộc họp tập trung vào việc sơ kết, tổng kết các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh trong việc giáo dục học sinh cũng như đề ra các biện pháp khắc phục có hiệu quả hơn với từng đối tượng học sinh. Qua các cuộc họp, nhà trường đã tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp của cha mẹ học sinh về công tác quản lý của nhà trường, về các biện pháp giáo dục học sinh và giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh; đồng thời nhà trường đề xuất các biện pháp phối hợp giáo dục với Ban Đại diện cha mẹ học sinh.

Mức 2:

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Đại diện cha mẹ học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nghị quyết của đại hội đầu năm học, thực hiện các hoạt động giáo dục trong từng thời gian do Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường đề ra. Tổ chức nói chuyện cho học sinh nhằm cùng nhà trường giáo dục đạo đức, khuyến khích học sinh học tập, động viên học sinh yếu kém; giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật, tàn tật; tham gia vận động học

sinh đã bỏ học trở lại tiếp tục đi học, hướng dẫn về công tác tổ chức và hoạt động cho các Ban Đại diện cha mẹ học sinh lớp.

Ban đại diện CMHS trường luôn nhiệt tình phối hợp nhịp nhàng và có hiệu quả với trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua việc hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động phong trào liên quan đến HS, quan tâm chăm lo cho HS nghèo, HS giỏi và đặc biệt là HS dự thi THPT quốc gia hàng năm .

Ngoài ra, Ban đại diện CMHS cũng thường xuyên tham dự lễ khai giảng, sơ kết, tổng kết và phát biểu trong các buổi lễ nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS như tình trạng HS bỏ học, bạo lực học đường, an toàn giao thông, phòng chống ma túy...; đồng thời, khích lệ, động viên HS tiên bộ trong học tập. Trường đã phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh thông qua ban đại diện lớp và trường, cùng với GVCN để kịp thời giải quyết, động viên, khích lệ các trường hợp học sinh bỏ học và đạt được kết quả tốt [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06].

Mức 3:

Căn cứ vào Điều lệ Ban đại diện CMHS, Ban Đại diện CMHS đã thường xuyên phối hợp cùng trường và các các đoàn thể chính trị xã hội khác thực hiện đúng, đủ các nhiệm vụ được quy định tại điều 5, 6 của Điều lệ ban đại diện CMHS: Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường [H4-4.1-05].

2. Điểm mạnh

Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường có số lượng thành viên ổn định, nhiệt tình, hoạt động hiệu quả. Hầu hết Ban Đại diện Cha mẹ học sinh các lớp đều rất quan tâm đến hoạt động giáo dục của lớp, luôn đồng tình và phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc xây dựng nề nếp kỉ luật, giáo dục học sinh, nhờ đó kết quả học tập và rèn luyện của học sinh ngày càng được nâng cao.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ học sinh nhận thức chưa đúng về bản chất của xã hội hóa giáo dục nên chưa xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mình đối với nhà trường.

Hằng năm việc chọn người có tâm, có điều kiện thời gian để vận động tham gia vào Ban Đại diện Cha mẹ học sinh trường vô cùng khó khăn.

Một số cha mẹ học sinh có trình độ nhận thức hạn chế nên phương pháp dạy con không phù hợp với phương pháp của nhà trường, dẫn tới hiệu quả giáo dục chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đẩy mạnh tuyên truyền, tăng cường trao đổi thông tin để cha mẹ học sinh hiểu về quy chế, điều lệ và các văn bản pháp quy khác nhằm giúp cha mẹ học sinh tự điều chỉnh, xác định rõ trách nhiệm và tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục.

Tổ chức sinh hoạt các chuyên đề nhằm hướng dẫn cách thức nắm bắt, phát hiện những vấn đề về tâm sinh lý của học sinh để qua đó cha mẹ học sinh phối hợp giáo dục học sinh tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động trong việc tham mưu với cấp ủy Đảng về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường thông qua các báo cáo, văn bản, nghị quyết Chi bộ gửi về Quận ủy Bình Thạnh **[H1-1.1-01]**. Trên cơ sở định hướng của kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2025, mỗi năm học, hiệu trưởng đã cụ thể hóa thành kế hoạch năm học, được tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và thống nhất tổ chức thực hiện **[H1-1.1-04]**.

Nhà trường đã phối hợp với Công an Phường 13, Công an quận Bình Thạnh để kịp thời xử lý khi có các hiện tượng gây rối trong và ngoài trường học, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Đoàn trường đã phối hợp với Đoàn Phường 13, Quận đoàn quận Bình Thạnh để phát triển phong trào thanh niên tình nguyện **[H1-1.10-05]**.

b) Thông qua các kỳ họp CMHS, GVCN đã tuyên truyền đến CMHS nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của trường. Bên cạnh đó,

trường cũng tuyên truyền đến cộng đồng các chủ trương về giáo dục, về pháp luật, công tác tuyển sinh, các hoạt động của trường, việc học tập và làm theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh qua trang thông tin điện tử của trường tại địa chỉ thpttrvangiau.hcm.edu.vn. Đồng thời, sử dụng hợp pháp nguồn quỹ và có thực hiện việc công khai minh bạch, rõ ràng **[H4-4.1-01]**.

c) Nhà trường sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vận động được từ các tổ chức, cá nhân vào những nội dung sau đây **[H1-1.3-09]**; Xây dựng cơ sở vật chất tặng cho nhà trường như khu tưởng niệm Giáo sư Trần Văn Giàu, sân thể dục thể thao, mái che sân trường, nhà để xe học sinh, trang bị dụng cụ tập thể dục; Tặng thêm phương tiện, thiết bị dạy học: trang bị 06 máy vi tính cho thư viện, nâng cấp hệ thống loa sân trường.

Mức 2:

a) Sau Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2015 – 2020, Trường tham mưu với cấp ủy Đảng về những nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường, được sự thống nhất cao của Chi bộ và thông qua trong Nghị quyết chi bộ hàng tháng.

Hiệu trưởng trường THPT Trần Văn Giàu căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quận Bình Thạnh và đặc điểm tình hình trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển trường, tham mưu UBND quận Bình Thạnh phê duyệt và tạo điều kiện cho trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển **[H1-1.1-01]**.

b) Lãnh đạo trường luôn quan tâm, chỉ đạo, hỗ trợ Đoàn trường và đội ngũ GV thông qua các tổ chức đoàn thể, tăng cường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT cho HS thông qua việc tổ chức cho các em các hoạt động TDTT như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, các trò chơi dân gian, hoạt động văn hóa, văn nghệ, cắm trại, trại Xuân, Hoa phượng đỏ, tuyên truyền An toàn giao thông...**[H4-4.2-01]**.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường THPT Trần Văn Giàu còn tổ chức cho đoàn viên tham gia chăm sóc, dọn vệ sinh qua chương trình “Ngày Chủ nhật xanh”, thấp

hương cho các anh hùng, liệt sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ Thành phố, tổ chức lễ kết nạp đoàn cho các em tại khu căn cứ rừng Minh Đạm [H1-1.3-15]. Ngoài ra, các em HS và đoàn viên giáo viên còn tổ chức thăm viếng, tặng quà cho gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-4.2-02].

Mức 3:

Trường THPT Trần Văn Giàu đã tổ chức nhiều hoạt động văn nghệ, TDTT của trường thu hút nhiều người dân thưởng thức và tham gia cổ vũ. Trường có tham mưu đến cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về việc phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, TDTT và nhận được sự thống nhất cao, thu hút học sinh, nhiều người dân tham gia, cổ vũ.

Từ 2015 đến 2020, trường THPT Trần Văn Giàu đều được công nhận là đơn vị văn hóa [H1-1.10-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường được sự hỗ trợ của chính quyền, các đoàn thể, các đơn vị giáo dục tại địa phương; tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân để tăng cường cơ sở vật chất, hỗ trợ khen thưởng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của trường được thực hiện thường xuyên và đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa chủ động liên hệ, tìm nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp, các mạnh thường quân hay các tổ chức xã hội khác để huy động thêm nguồn lực cho sự phát triển.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường mạnh dạn, tích cực, chủ động liên hệ với các doanh nghiệp, các mạnh thường quân, các tổ chức xã hội khác để huy động các nguồn tài trợ nhằm

cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, trang bị thêm thiết bị dạy học và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Trường thường xuyên liên lạc trao đổi trực tiếp phụ huynh và có kế hoạch thông tin đầy đủ kịp thời tình hình học tập học sinh cũng như kịp thời giải đáp thắc mắc phụ huynh. Tham mưu tốt với chính quyền địa phương về kế hoạch và biện pháp phát triển nhà trường và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

Điểm yếu cơ bản

Nhà trường chưa có công trình chăm sóc một gia đình cách mạng hoặc một di tích lịch sử cách mạng ở địa phương thường xuyên, chủ yếu tập trung vào các dịp lễ, Tết.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 3: 2/2 tiêu chí chiếm 100%

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu thực hiện kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bám sát theo các quy định và văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Học sinh trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu có điểm thi tuyển vào đầu cấp hàng năm tăng dần và ở vào mức trung bình khá (năm 2012 là 19 điểm và hiện nay 25,5 điểm). Vì vậy chất lượng giảng dạy là một trong những tiêu chí hàng đầu, luôn được nhà trường quan tâm. Tổ chức có hiệu quả hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Đồng thời, công tác giúp đỡ học sinh yếu, kém được thầy cô thực hiện thường xuyên, nhất là học sinh lớp 12. Hoạt động giảng dạy, giáo dục học sinh luôn hướng đến đạt các yêu cầu giáo dục toàn diện và mong muốn hoàn thành khóa học với kết quả xét tốt nghiệp Trung học phổ thông và tỷ lệ học sinh đậu đại học cao.

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững, nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Giáo viên luôn có ý thức học hỏi, sáng tạo, đi đầu trong đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin.

Nhà trường thực hiện tốt chủ đề năm học và các cuộc vận động phong trào thi đua do ngành, địa phương phát động. Hằng tuần, hằng tháng Ban lãnh đạo đều họp để rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của nhà trường; qua đó, kịp thời điều chỉnh, có kế hoạch cải tiến để chất lượng giáo dục nhà trường ngày càng tốt hơn.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào kế hoạch năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân thành phố và nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo đề ra, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học 02 buổi, kế hoạch hoạt động chuyên môn trong năm, tháng, tuần theo đúng quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Các tổ chuyên môn lập kế hoạch chuyên môn thống nhất trong tổ về nội dung thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với trình độ học sinh. Giáo viên thực hiện theo kế hoạch giảng dạy đã được thống nhất trong nội bộ tổ bộ môn; sổ ghi đầu bài của các lớp được ghi chép đầy đủ, đúng quy định **[H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05]**.

Đầu học kỳ tổ trưởng lên kế hoạch giảng dạy và phó hiệu trưởng chuyên môn duyệt, tổ viên thực hiện việc giảng dạy theo kế hoạch. Hàng tuần, Ban lãnh đạo họp và lên kế hoạch, phổ biến trên Phòng giáo viên, website trường để các bộ phận, cá nhân liên quan thực hiện. Đồng thời tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch tuần nhưng chưa đều giữa các tổ.

Kế hoạch nhà trường luôn bám sát và thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục

và Đào tạo và những chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi tháng, trong cuộc họp Liên tịch, nhà trường kiểm điểm công tác tháng qua và triển khai tiếp kế hoạch chuyên môn tháng tiếp theo.

b) Việc đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học luôn được nhà trường quan tâm thực hiện, việc tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, liên hệ thực tế thông qua nội dung bài dạy, vận dụng kỹ năng tích hợp giữa các phân môn, các môn học, các khối lớp, hướng dẫn học sinh sử dụng hợp lý sách giáo khoa, bồi dưỡng phương pháp tự học, kỹ năng làm việc nhóm; thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh trong quá trình dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019 – 2020, nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Nhà trường lập ra sổ đăng ký sử dụng phòng ứng dụng công nghệ thông tin để theo dõi tình hình giảng dạy của giáo viên **[H5-5.1-01]; [H5-5.1-06]; [H3-3.5-01]**.

c) Việc đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá cũng được nhà trường quan tâm thực hiện, giáo viên đã đổi mới kiểm tra, đánh giá và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập của cá nhân thông qua các giờ thuyết trình, ôn tập, thực hành **[H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]**.

Mức 2:

a) Trường nghiêm túc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đã đề ra; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh **[H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]**.

b) Công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu được quan tâm, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Trong công tác phụ đạo học sinh yếu kém, Ban Giám hiệu phân công giáo viên dạy phụ đạo, chú ý rèn luyện học sinh trong từng tiết dạy và rút kinh nghiệm sau mỗi bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ

hàng tháng; phân công cho giáo viên chủ nhiệm kiểm tra giám sát và kịp thời báo cáo kết quả học tập về phụ huynh. Trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên phát hiện những học sinh có năng khiếu học tốt bộ môn, lập danh sách, phân công giáo viên có năng lực chuyên môn giỏi để bồi dưỡng các em tạo nguồn cho đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp cụm, cấp thành phố **[H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]**.

Mức 3:

Công tác kiểm tra của Ban lãnh đạo và các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn được tiến hành thường xuyên, có nhận xét, rút kinh nghiệm kịp thời trong giáo viên **[H1-1.8-02]**. Định kỳ hàng năm, Ban lãnh đạo và các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn đều tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Các tổ chuyên môn tổ chức họp rút kinh nghiệm về chất lượng giảng dạy, kết quả học lực, hạnh kiểm của từng học kỳ, các lần kiểm tra tập trung để có những giải pháp cụ thể đối với từng đối tượng học sinh (đặc biệt là với những đối tượng học sinh chưa ngoan, học sinh yếu), lựa chọn giáo viên phù hợp với những học sinh này cũng như gặp gỡ Cha mẹ học sinh thường xuyên để tìm hiểu, động viên, tìm giải pháp giúp các em có kết quả tốt hơn trong học tập và rèn luyện hạnh kiểm **[H1-1.4-05]; [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01]**.

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy học trong nhà trường nghiêm túc, khoa học tuân thủ đúng chương trình, kế hoạch của Sở Giáo dục và đào tạo. Nhà trường đảm bảo tốt thời gian kế hoạch giảng dạy, làm tốt công tác kiểm tra chuyên môn, kiểm tra việc thực hiện chương trình, nắm được tình hình giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Lãnh đạo nhà trường đã đề ra được những biện pháp có hiệu quả để tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chuyên môn của các tổ bộ môn và của từng giáo viên.

3. Điểm yếu

Việc lập kế hoạch chuyên môn tuần chưa đều ở cấp tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hướng dẫn tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch tuần và đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua của tổ chuyên môn trong năm học 2020 - 2021.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường cũng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tìm hiểu và lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn để xây dựng kế hoạch, kịp thời hỗ trợ các em vượt qua khó khăn, vươn lên trong học tập; xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục hòa nhập, kế hoạch bồi dưỡng các môn năng khiếu **[H4-4.1-01]; [H5-5.2-01]**.

b) Nhà trường tiến hành rà soát chất lượng học sinh đầu năm, để từ đó phân loại, lập danh sách học sinh giỏi, yếu kém của từng lớp, từng bộ môn, xây dựng kế hoạch, yêu cầu giáo viên theo dõi, phụ đạo học sinh yếu kém ngay từ đầu năm học **[H5-5.2-02]; [H5-5.1-02]**. Công tác tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được thực hiện nghiêm túc **[H1-1.8-01]**.

c) Sau mỗi đợt báo điểm, cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học, nhà trường và các tổ chuyên môn có tổ chức sơ kết nhận xét đánh giá, học sinh yếu, kém từ đó đề ra biện pháp thực hiện để nâng cao hiệu quả học tập của học sinh **[H2-2.4-02]**. Đồng thời, giáo viên chủ nhiệm Khối 12 phối hợp với giáo viên bộ môn lập danh sách học sinh yếu, kém ở các môn để tổ chức lớp học phụ đạo, truy bài buổi sáng cho các em học sinh. Ngoài ra nhà trường còn khen thưởng kịp thời các em học sinh đạt thành tích cao trong các kì thi cấp cụm, Thành phố và các em học sinh có ý thức vượt khó, nỗ lực trong học tập.

Mức 2:

Từ nhiều năm qua, nhà trường quan tâm, tạo điều kiện để các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục từng năm học của trường **[H1-1.8-01]**. Để chăm lo, hỗ trợ, khuyến khích động viên, khích lệ tinh thần cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mỗi đầu năm học, nhà trường xem xét và hỗ trợ học phí miễn giảm từ 50 đến 100 học phí, tạo điều kiện cho các em đến trường, Đồng thời, vào mỗi dịp Tết Nguyên đán, nhà trường phối hợp cùng Ban đại diện Cha mẹ học sinh trao tặng phần quà Tết và hiện kim trong chương trình Xuân yêu thương cho các em vượt khó vươn lên trong học tập. Năm học 2019 - 2020, trường đã trao tặng 102 suất quà Tết trị giá 700.000 đồng/suất **[H4-4.1-01]**.

Mức 3:

Từ năm 2015-2016 đến 2019 – 2020, nhà trường đều có học sinh tham dự và đạt thành tích cao trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp Thành phố, các hội thi văn nghệ, thể dục thể thao. Số lượng học sinh giỏi cấp Thành phố qua các năm cũng có nhiều thành tích. Năm học 2015 – 2016, trường đạt 02 giải trong Kỳ thi Giải nhanh trên máy tính Casio, 11 giải học sinh giỏi Khối 12 cấp Thành phố, 28 huy chương Olympic, 04 giải nghiên cứu KHKT cấp Thành phố. Năm học 2016 – 2017, trường có 01 giải trong Kỳ thi IOE cấp Quốc gia, 01 giải kỳ thi Giải toán nhanh trên máy tính Casio, 13 giải học sinh giỏi khối 12 cấp Thành phố, 41 huy chương Olympic, 07 giải nghiên cứu KHKT cấp Thành phố. Năm học 2017 – 2018, trường có 03 giải kỳ thi giải toán nhanh trên máy tính Casio, 20 giải học sinh giỏi khối 12 cấp Thành phố, 39 huy chương Olympic, 11 giải nghiên cứu KHKT cấp Thành phố, trong đó có 02 giải đạt cấp Quốc gia. Năm học 2018 – 2019, trường có 08 giải kỳ thi Giải toán nhanh trên máy tính Casio, 18 giải học sinh giỏi khối 12 cấp Thành phố, 36 huy chương Olympic và 09 giải nghiên cứu KHKT cấp Thành phố, trong đó có 01 giải đạt cấp Quốc gia. Năm học 2019 – 2020, trường có 15 giải kỳ thi Giải toán nhanh trên máy tính Casio, 18 giải học sinh giỏi khối 12 cấp Thành phố, 15 giải nghiên cứu KHKT cấp Thành phố. **[H5-5.2-03]; [H5-5.1-07].**

2. Điểm mạnh

Ban Giám hiệu quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh giỏi, rèn luyện các môn năng khiếu, văn nghệ, thể dục thể thao.

Các đối tượng học sinh được học tập, rèn luyện, kết quả đáp ứng mục tiêu giáo dục theo kế hoạch.

Kết quả học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp Thành phố và Olympic đạt chỉ tiêu và tăng hàng năm.

Triển khai các kế hoạch cụ thể đồng bộ nghiêm túc. Ban lãnh đạo thường xuyên tổ chức kiểm tra việc dạy và học của giáo viên và học sinh. Định kỳ có nhận xét đánh giá rút kinh nghiệm để cải cách phương pháp dạy và học.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa có phương pháp học tập tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sắp xếp lại đội ngũ giáo viên dạy bồi dưỡng học sinh giỏi. Tăng cường công tác đào tạo học sinh giỏi bằng cách tạo nguồn kinh phí, có chế độ khuyến khích các em vào đội tuyển.

Tăng cường phối hợp giữa giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh trong công tác phụ đạo học sinh yếu kém, hướng dẫn phương pháp tự học giúp học sinh học ở nhà hiệu quả hơn..

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo hướng dẫn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở các bộ môn Ngữ văn, Sử, Địa... Qua đó giúp các em hiểu thêm về lịch sử địa phương và niềm tự hào với quê hương **[H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.1-01]**.

b) Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn trực tiếp duyệt kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương của các bộ môn **[H5-5.3-02]**. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đa dạng như kiểm tra trắc nghiệm, viết bài thu hoạch, sưu tầm tư liệu, hình ảnh, viết bài giới thiệu về lịch sử địa phương... Kết quả thực hiện được giáo viên đánh giá công khai trước lớp, đảm bảo tính khách quan, công bằng, hợp lý.

c) Hằng năm, trường tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương theo quy định **[H5-5.3-01]**.

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phối hợp trong công tác phổ cập giáo dục, đồng thời thực hiện các biện pháp giáo dục tích cực nhằm hạn chế học sinh lưu ban và phòng ngừa bỏ học (nhà trường không có học sinh bỏ học). Trường có thực hiện công tác phổ cập giáo dục ở mức độ phối hợp với các địa phương khi thu thập số liệu về học sinh và nhiệm vụ khi Sở Giáo dục và Đào tạo phân công. Sau mỗi học kỳ, nhà trường khảo sát đối tượng học sinh yếu, hoàn cảnh sống của học sinh để có kế hoạch giúp đỡ kịp thời.

Mức 2:

Đầu tháng 9 năm học, tổ chức họp chỉ đạo các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch, nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và chú ý gắn lý luận với thực tiễn, khuyến khích các tổ lập các kế hoạch đặc thù của tổ như: Văn, Sử, Địa **[H5-5.3-01] [H5-5.3-02]**. Tổ chức cho học sinh tham gia tiết học ngoài nhà trường tại Rừng sát Cần Giờ; chủ đề “Thỏ nhường quyền” ở Ngã Ba Giồng – Green Park tại Củ Chi (tổ Địa Lý); chủ đề về Lịch sử tại Củ Chi; chủ đề “Sinh quyền” ở Cần Giờ tổ Sinh học **[H6-5.3-01]**.

2. Điểm mạnh

Kết quả của việc chống lưu ban, bỏ học làm tốt, mỗi năm học số học sinh thuộc diện này giảm nhiều. Trường luôn phối hợp tốt và đáp ứng yêu cầu của địa phương kịp thời về công tác phổ cập giáo dục.

Có thực hiện kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo qui định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

3. Điểm yếu

Chưa chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, chỉ đáp ứng khi có yêu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường phối hợp với các địa phương, đơn vị làm tốt công tác phổ cập giáo dục. Tham gia tích cực và cử đúng thành phần các hoạt động phổ cập giáo dục khi có điều động hoặc yêu cầu phối hợp. Đẩy mạnh tuyên truyền về chủ trương phổ cập giáo dục trong học sinh, cha mẹ học sinh và đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường.

Trường tiếp tục chỉ đạo tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tham quan dã ngoại học tập để nâng cao hiệu quả giáo dục địa phương.

Khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.

Tiếp tục chỉ đạo cho giáo viên thường xuyên cập nhật nội dung giáo dục địa phương trong giáo án cho phù hợp với thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức hướng nghiệp bằng biện pháp tư vấn cho học sinh các ngành nghề xã hội đang có nhu cầu, những nghề mới phát triển phù hợp với năng lực học sinh bằng nhiều hình thức như hướng dẫn các học sinh tìm tòi và thuyết trình các ngành nghề yêu thích qua hoạt động ngoài giờ lên lớp, các buổi tư vấn hướng nghiệp tại lớp, tại sân trường. Định hướng cho học sinh tham quan các trường Đại học, Cao đẳng và ngày hội tư vấn chọn ngành, chọn trường của báo Tuổi trẻ, Thanh niên, Giáo dục.

b) Định kỳ hàng năm nhà trường tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cho học sinh ba khối, lồng ghép nội dung học tập kiến thức thực tế các môn **[H5-5.4-01]; [H5-5.4-02]; [H2-2.2-06]**. Hằng năm, nhà trường tổ chức tham quan trải nghiệm tại Đà Lạt cho học sinh khối 12 và khối 11; tại Mũi Né – Phan Thiết cho học sinh khối 11, 10 **[H5-5.4-01]; [H5-5.4-03]; [H5-5.4-04]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-05]**.

c) Phân công huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đảm bảo 02 giáo viên/ 01 xe với số lượng là 40 học sinh/xe **[H5-5.4-01]; [H5-5.4-05]**.

Mức 2:

a) Phối hợp với các công ty du lịch tổ chức các hoạt động tham quan, trải nghiệm cho học sinh với nhiều hình thức và nội dung phong phú như: tiết học ngoài nhà trường tại Sân khấu kịch (Tổ Văn), chủ đề “Thỏ nhường quyền” ở Ngã Ba Giồng – Green Park tại Củ Chi (tổ Địa Lý); chủ đề về Lịch sử tại Củ Chi; chủ đề “Sinh quyền” ở Cần Giờ tổ Sinh học **[H5-5.4-01]**.

b) Hiệu trưởng có tổ chức họp Ban chỉ đạo hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tổ chức cho học sinh tham gia và đề ra phương hướng, biện pháp tổ chức tốt hơn ở những năm sau [H5-5.4-01].

3. Điểm mạnh

Tổ chức học nghề nghiêm túc, hồ sơ sổ sách đầy đủ, đúng quy chế. Tỷ lệ học sinh đi học nghề và tỷ lệ học sinh lấy chứng chỉ đều đạt yêu cầu so với chuẩn quy định.

4. Điểm yếu

Học sinh không có điều kiện lựa chọn học nghề theo sở thích vì trường chỉ dạy một nghề tin học. Một số học sinh có nhận thức chưa đúng về việc học nghề.

5. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021, trường sẽ nghiên cứu mở thêm một số môn học nghề mới để đáp ứng nguyện vọng của học sinh và tăng cường giáo dục, hạn chế tâm lý tham gia học nghề mang tính đối phó của các em.

Cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm thông báo cho cha mẹ học sinh và học sinh về thời khóa biểu học nghề, thời gian thi nghề của học sinh. Hàng tuần, giáo viên chủ nhiệm phải theo dõi tình hình chuyên cần nề nếp học tập, nhằm đảm bảo học sinh thực hiện nghiêm túc nội quy và đạt kết quả học tập cao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

- a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*
- b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch tư vấn cho học sinh. Thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa, trường đã tổ chức và mời các chuyên gia về nói chuyện, trao đổi nhằm để giáo dục các nhận thức và trang bị kỹ năng cần thiết trong cuộc sống với nhiều chuyên đề phù hợp với tình hình học sinh của trường như: học sinh với mạng xã hội (facebook), lòng biết ơn, kỹ năng làm chủ bản thân, công dân toàn cầu và cách mạng công nghệ 4.0, kỹ năng giao tiếp, tự tin thiết kế tương lai **[H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-04]**... Đồng thời nhà trường có kế hoạch tổ chức cho các lớp thảo luận vào tiết sinh hoạt chủ nhiệm các chuyên đề về kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua một nội dung cụ thể, cho các em tự tổ chức tiết sinh hoạt chủ nhiệm ngoài sân trường ở hầu hết các lớp học hoặc chương trình một ngày làm công nhân vệ sinh đã cho các em nhiều trải nghiệm **[H5-5.5-01]**.

b) Trường còn giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông với nội dung: An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai, hành trình văn hóa giao thông, cách tự phòng chống tai nạn giao thông. Nhà trường cũng đã đưa môn bơi vào dạy trong giờ Thể dục tự chọn và hầu hết

học sinh đều biết bơi. Công tác hướng dẫn học sinh xử lý các tai nạn thương tích khác chưa được thực hiện có hiệu quả **[H5-5.5-01] [H5-5.5-02]**.

Học sinh được rèn luyện cách ứng xử có văn hóa, tinh thần đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và qua công tác tự quản xây dựng lớp; tham gia vận động ủng hộ khắc phục sau thiên tai, bão lụt; hỗ trợ biển đảo và trẻ em vùng sâu; giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn được đến trường và vui tết hàng năm qua phong trào nuôi heo đất; biết chia sẻ yêu thương khi bạn gặp khó khăn như hiến máu cho bạn, ủng hộ tiền giúp bạn bị bệnh ung thư hoặc khi nhà bạn bị cháy, hoặc tham gia chương trình chia sẻ yêu thương với các em nhỏ khó khăn ở Cần Giờ, Bình Chánh vào dịp hè **[H5-5.5-01]**.

Lãnh đạo trường, giáo viên tư vấn tâm lý cùng với giáo viên chủ nhiệm và các thầy cô giám thị là những người trực tiếp tư vấn cho học sinh có nhu cầu giải tỏa những khó khăn về tâm lý: chuyện gia đình, học tập, tình cảm, mâu thuẫn, xung đột, mất đoàn kết giữa các học sinh, đặc biệt là sự quan tâm và theo dõi chặt chẽ của giáo viên chủ nhiệm và gia đình đối với những học sinh nữ đã có bạn trai. Tổ chức giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất và tinh thần, giáo dục về giới tính cho học sinh với nhiều nội dung phong phú như Bác sĩ học đường “Thuốc lá, kẻ thù âm thầm”, sức khỏe dinh dưỡng học đường, công nghệ thực phẩm thời công nghiệp, Ma túy “tem giấy”, phòng chống HIV/AIDS, cách vệ sinh cá nhân cho học sinh nữ.

c) Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019 – 2020, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt trên 95%. Chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam **[H5-5.5-03]; [H5-5.1-07]**.

Mức 2:

a) Giáo viên bộ môn hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập trong các giờ học, giờ thực hành, hoạt động ngoại khóa; giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, xếp loại hạnh kiểm cuối học kỳ, cuối năm học **[H5-5.1-07]**.

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển, các em đã ứng dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm tham gia vào các cuộc thi khoa học với đời sống [H5-5.4-03].

Mức 3:

Định kỳ hàng năm, nhà trường đều tổ chức cuộc thi nghiên cứu Khoa học kỹ thuật cấp trường để lựa chọn những dự án dự thi cuộc thi Khoa học học kỹ thuật cấp Thành phố. Năm học 2015 – 2016, trường có 05 giải nghiên cứu KHKT cấp Thành phố trong đó có 01 đề tài dự thi cấp Quốc gia. Năm học 2015 – 2016, trường có 04 giải nghiên cứu KHKT cấp Thành phố và 02 đề tài dự thi cấp Quốc gia. Năm học 2016 – 2017, trường có 07 giải nghiên cứu KHKT cấp Thành phố và 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích cấp Quốc gia. Năm học 2017 – 2018, trường có 11 giải nghiên cứu KHKT cấp Thành phố và 01 giải Nhì, 01 giải Ba cấp Quốc gia. Năm học 2019 – 2020, trường có 09 giải nghiên cứu KHKT cấp Thành phố và 01 giải Khuyến khích cấp Quốc gia [H2-2.2-05]; [H2-2.2-08]; [H2-2.2-10].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục và tư vấn về sức khỏe, giáo dục về giới tính, giáo dục cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau được nhà trường tổ chức có kế hoạch biện pháp cụ thể, nghiêm túc, với nhiều nội dung, hình thức phong phú và đa dạng đã trang bị tốt cho học sinh những kỹ năng cần thiết.

Cuộc thi nghiên cứu KHKT cấp trường được diễn ra định kỳ hàng năm với nhiều đề tài dự án đa dạng và sáng tạo.

3. Điểm yếu

Chưa tạo được các tình huống giả định để rèn luyện kỹ năng xử lý các tai nạn thương tích trong đời sống thường ngày.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cứ mỗi năm học, Đoàn thanh niên, nhân viên y tế và giáo viên dạy giáo dục quốc phòng cùng phối hợp để triển khai thực hiện 02 nội dung sau: Truyền thụ cho

học sinh những kiến thức cơ bản về sơ cấp cứu và phòng chống thảm họa ngay trong tiết dạy giáo dục quốc phòng (tích hợp với nội dung bài dạy sao cho phù hợp nhất) kết hợp với việc tạo môi trường giả định cho học sinh thực hành; Tổ chức hội thi sơ cấp cứu và phòng chống thảm họa cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: **Đạt ít nhất 10%** đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và*

55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), **25% đối với trường trung học phổ thông** (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: **không quá 05%** đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học. - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm **khá, tốt đạt ít nhất 90%** đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: **Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban**; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực cuối năm từ trung bình trở lên qua các năm thường trên 80%, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt bình quân 95% [H5-5.1-07].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Tỷ lệ học sinh lên lớp qua các năm bình quân trên 98%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông trên 98 % **[H5-5.6-01]; [H5-5.6-02]; [H5-5.1-07]**.

c) Từ năm 2015-2016 đến năm 2019 – 2020, nhà trường xếp lớp theo nguyện vọng của HS khối 11 và 12 dựa theo năng lực, sở thích, định hướng nghề nghiệp. Theo đó, nhà trường phân phối thêm các tiết tự chọn theo nhóm môn học mà HS sẽ xét tuyển vào đại học, thực hiện dạy nghiêm túc môn GDHN, đặc biệt lưu ý đến HS khối 12. Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trong và ngoài tỉnh tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp cho HS khối 12. CBQL và GV cũng đã tư vấn cho HS và CMHS trong việc lựa chọn môn thi xét tuyển vào các ngành nghề phù hợp với năng lực và sở thích của các em **[H6-5.6-01]**.

Mức 2:

a) Từ năm 2015-2016 đến năm 2019 – 2020, kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực. Chất lượng giáo dục của nhà trường tăng đều qua các năm **[H5-5.6-02]**.

b) Từ năm 2015-2016 đến năm 2019 – 2020, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp Trung học phổ thông có chuyển biến tích cực **[H5-5.6-01]; [H5-5.6-02]; [H5-5.6-04]**.

Mức 3:

a) Nhà trường mới thành lập và nằm trong khu vực không thuận lợi về giao thông, có điểm tuyển vào lớp 10 ở mức trung bình.

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2019 - 2020	2019 – 2020
Điểm tuyển sinh 10	27,75	31,25	29	27	25,5

Tuy nhiên với sự cố gắng liên tục của tập thể sư phạm nhà trường, kết quả học tập của học sinh là đáng khích lệ.

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2019 - 2020	2019 – 2020
---------	-----------	-----------	-----------	-------------	-------------

Giỏi	5,3%	8,5%	7,4%	9,6%	12,6%
Khá	33,9%	40,4%	39,86%	46,7%	52,78%
Trung bình	52,2%	46,1%	47,54%	41,03%	33,11%
Yếu, Kém	8,6%	5%	5,2%	2,64%	1,51%

Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 – 2020: tỉ lệ học sinh xếp loại học lực từ trung bình trở lên thấp nhất là 91,4%, tỷ lệ học sinh xếp loại khá cao nhất là 52,78%, tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi cao nhất là 12,6%, tỷ lệ yếu kém thấp nhất là 1,51% và các tỉ lệ này đạt trên mức chuẩn quy định.

Cùng với hoạt động giảng dạy, công tác giáo dục đạo đức, ý thức chấp hành kỷ luật của học sinh được nhà trường xem là khâu quan trọng để nâng chất lượng học tập. Tổ chức nhiều sân chơi để xây dựng tinh thần đoàn kết giữa học sinh trong 1 lớp, tạo sự giao lưu để hiểu nhau giữa học sinh các lớp, cùng với việc phối hợp đồng bộ giữa giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm với thầy cô giám thị và cha mẹ học sinh để rèn luyện tính kỷ luật cho học sinh được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học, tạo cho cha mẹ học sinh niềm tin khi gửi con em đến trường. Kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh qua các năm học như sau:

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018 – 2019	2019 – 2020
Tốt	66,68%	65,9%	68,5%	76,78%	81,5%
Khá	25,85%	25,54%	25,58%	17,03%	13,72%
Trung bình	6,13%	6,93%	5,17%	5,15%	3,96%
Yếu	1,32%	1,63%	0,75%	1,05%	0,8%

Do việc phối hợp các lực lượng giáo dục trong nhà trường với cha mẹ học sinh và địa phương tương đối chặt chẽ; mục tiêu giáo dục đạo đức học sinh của nhà trường là ngăn chặn học sinh vi phạm chứ không chờ học sinh vi phạm để xử lý nên nề nếp kỷ luật trong nhà trường ổn định, cha mẹ học sinh đồng tình ủng hộ. Một vài học sinh vi phạm thường xuyên, bị kỷ luật đình chỉ học tập 1 tuần, sau khi

thực hiện kỷ luật các em đều có tiến bộ rõ rệt và được xét xếp lại hạnh kiểm. Trong các năm qua, nhà trường không có học sinh bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Số liệu học sinh bị kỷ luật và bị đình chỉ học tập có thời hạn qua các năm:

Năm học	Số học sinh bị đình chỉ học 1 tuần	Tỷ lệ
2015-2016	2	0.09%
2016-2017	8	0.3%
2017-2018	9	0,4%
2018-2019	9	0,42%
2019 – 2020	3	0,08%

Từ năm học 2015 - 2016 đến năm học năm học 2019 – 2020, tỉ lệ học sinh bị đình chỉ học tập có thời hạn cao nhất là 0,5%, tỷ lệ này không quá 1% so với chuẩn quy định.

b) Tỷ lệ lên lớp, tốt nghiệp trung học phổ thông, lưu ban, bỏ học các năm học trong giai đoạn 2014- 2019 là:

Năm học	Tỷ lệ lên lớp	Tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông	Tỷ lệ lưu ban	Tỷ lệ bỏ học
2015-2016	97,8%	98,9%	2,2%	0%
2016-2017	98,97%	100%	1,03%	0%
2017-2018	99,36%	100%	0,64%	0%
2018-2019	99,6%	99,85% (Hông 01 HS)	0,4% (08HS)	0%
2019 – 2020	99,89%	100%	0,11%	0%

Trong giai đoạn 2015 - 2019, bình quân tỉ lệ lên lớp là 98,1% và tỉ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông trung bình là 99,8%, so với chất lượng đầu vào, đây là kết quả ổn định và thể hiện sự nỗ lực của tập thể sư phạm nhà trường.

Đối với những học sinh có tư tưởng muốn bỏ học, nhà trường mời cha mẹ và học sinh vào trường tư vấn, phân tích, động viên và chỉ dẫn cụ thể địa chỉ các trường nghề gần nhà để các em chuyển sang hình thức vừa học nghề vừa học chữ nên số lượng học sinh bỏ học giảm dần hằng năm.

Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp để giúp đỡ học sinh yếu kém như triển khai kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, kém ngay từ đầu năm học; giáo viên dạy phụ đạo liên tục sau khi có kết quả kiểm tra tập trung; tính điểm trung bình từng giai đoạn, thông báo kịp thời cho cha mẹ học sinh để phối hợp động viên học sinh phấn đấu; làm việc trực tiếp với những học sinh có nguy cơ xếp loại yếu với những hướng dẫn cụ thể để học sinh thực hiện; Đặc biệt phát động phong trào mỗi thầy cô nhận giúp đỡ từ 02 đến 03 học sinh gặp khó khăn trong học tập. Vì vậy, tỷ lệ học sinh lưu ban trong năm học 2019 – 2020 có sự tiến bộ nhiều so với năm học 2013-2014 và đạt chuẩn theo quy định của tiêu chí.

Trường có học sinh lớp 12 tham gia dự thi Học sinh giỏi và thi Giải toán nhanh bằng máy tính Casio cấp Thành phố; học sinh lớp 10, 11 tham gia kỳ thi Olympic cấp Thành phố; tham gia dự thi Nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp Thành phố và cấp Quốc gia với kết quả như sau:

Năm học	Số giải đạt trong kỳ thi Học sinh giỏi lớp 12 cấp Thành phố	Số giải đạt trong kỳ thi Olympic lớp 10, 11 cấp Thành phố	Số giải đạt trong kỳ thi Nghiên cứu khoa học cấp Thành phố	Số giải đạt cấp Quốc gia
2015-2016	13 giải	28 giải	05 giải	02 đề tài dự thi cấp Quốc gia
2016-2017	14 giải	41 giải	09 giải	01 giải ba 02 giải khuyến khích
2017-2018	23 giải	39 giải	11 giải	01 giải nhì

				01 giải ba
2018-2019	18 giải	36 giải	09 giải	01 giải tư
2019-2020	18 giải	(Không tổ chức vì dịch Covid- 19)	15 giải	0

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi, khá và trung bình trở lên có nhiều tiến bộ ở năm học 2019 – 2020 và đều trên chuẩn quy định.

Nhà trường coi trọng khâu quản lý nề nếp kỷ luật trong học sinh, tổ chức nhiều môi trường sinh hoạt chung giúp học sinh đoàn kết thân thiện, giáo viên chủ nhiệm, thầy cô giám thị phối hợp tốt với cha mẹ học sinh trong giáo dục, tạo nhiều cơ hội cho học sinh phấn đấu khắc phục khuyết điểm, phát huy ưu điểm nên tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá tốt và tỷ lệ học sinh bị buộc thôi học đều đạt so với chuẩn quy định.

Tập thể sư phạm trường thực hiện tốt công tác chuyên môn như tỷ lệ học sinh lên lớp và tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông ổn định hàng năm. Số lượng học sinh đạt giải ở các kỳ thi cấp Thành phố tăng dần và có học sinh đạt giải cấp Quốc gia.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh yếu kém còn nhiều, tỷ lệ học sinh giỏi còn hạn chế.

Ý thức tự giác thực hiện nội quy, chấp hành kỷ luật của một số học sinh trong nhà trường chưa cao nên vẫn còn học sinh bị đình chỉ học tập có thời hạn.

Tỷ lệ học sinh lưu ban đạt chuẩn quy định nhưng vẫn còn cao so với nội lực của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn cần tập trung bàn các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng học tập như phương pháp truyền đạt, soạn bài tinh giản, sử dụng

hiệu quả đề cương học tập. Trong quá trình dạy học luôn quan tâm phát huy tính tích cực của học sinh, tạo thêm hứng thú cho học sinh trong học tập, tăng cường luyện tập nội dung khó cho học sinh khá, giỏi...để nâng tỷ lệ học sinh giỏi. Tăng cường công tác phụ đạo học sinh yếu, tạo điều kiện để các em lấy lại căn bản, thực hiện kế hoạch nhận giúp đỡ học sinh yếu kém chặt chẽ hơn, giáo viên chủ nhiệm quan tâm nhiều hơn đến công tác tư vấn, hướng dẫn phương pháp học tập cho học sinh... nhằm giảm dần tỷ lệ học sinh yếu kém.

Có biện pháp theo sát và hướng dẫn những học sinh bị hạnh kiểm yếu thực hiện cụ thể từng yêu cầu công việc cụ thể khi sinh hoạt tại trường; kịp thời uốn nắn những hành vi chưa đúng, chưa đẹp và tăng cường giáo dục ý thức tự giác thực hiện nội quy của học sinh; kết hợp chặt chẽ với gia đình học sinh để phối hợp giáo dục đạo đức cho học sinh.

Nhà trường phát huy tính chủ động của tổ chuyên môn trong phụ đạo học sinh yếu, kém đạt kết quả; Có kế hoạch phân loại học sinh, phát hiện kịp thời những em học yếu, mất căn bản ở các lớp 10, 11 và đầu lớp 12; phân công giáo viên hỗ trợ kịp thời các em học sinh yếu, kém, thành lập các lớp phụ đạo để giúp các em củng cố kiến thức cơ bản của lớp dưới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố đối với trường trung học phổ thông. Nhà trường có định hướng đúng trong quản lý việc thực hiện quy chế chuyên môn, đảm bảo các điều kiện phục vụ giảng dạy, có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ nhóm và công tác nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Số lượng học sinh đạt giải các kì thi cấp Thành phố cao so với điểm chuẩn đầu vào, kết quả giáo dục chung của nhà trường phát triển qua mỗi năm. Đồng thời, nhà trường cũng chú trọng đến giáo dục ngoài

giờ lên lớp, các buổi sinh hoạt ngoại khóa, các tiết sinh hoạt ngoài trời, phát triển nhiều câu lạc bộ để giúp các em rèn luyện kỹ năng sống, làm quen dần với môi trường hoạt động xã hội. Các hoạt động của nhà trường không chỉ giúp học sinh có một vốn tri thức mà còn tạo cho các em một kỹ năng sống tốt năng động và một nhân cách tốt.

Điểm yếu cơ bản

Tỷ lệ học sinh giỏi thấp và tỷ lệ học sinh lưu ban còn cao so với nội lực của nhà trường.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 3: 4/6 tiêu chí chiếm 66,67%

Phần II. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 28/28 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 27/28 tiêu chí chiếm 96,4%
- + Đạt Mức 3: 16/20 tiêu chí chiếm 80%

Thực hiện chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu đã tổ chức thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục tại đơn vị theo các công văn hướng dẫn của của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở đánh giá hiện trạng của nhà trường kể từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019 – 2020.

Sau một thời gian làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, công tác tự đánh giá của trường đã cơ bản thành công. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của trường, của địa phương, là điều kiện để trường đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục trong năm học 2020-2021.

Báo cáo tự đánh giá đã được các thành viên Hội đồng tự đánh giá thông qua với kết quả nhất trí 100%, đồng thời cũng được Hội đồng nhà trường thông qua. Kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đã cho thấy được sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của nhà trường trong 05 năm qua về công tác xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị nhà trường, về phát triển chất lượng giáo dục mà đặc biệt là công tác duy trì sĩ số được đảm bảo, số học sinh giỏi cấp thành phố năm nào cũng có, số học sinh yếu kém, lưu ban bỏ học giảm nhiều.

Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu đối chiếu với 05 tiêu chuẩn và 28 tiêu chí theo quy định, thông qua những nội dung thẩm định của báo cáo tự đánh giá, nghiêm túc đánh giá những kết quả đạt được về chất lượng giáo dục của nhà trường như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

Mức 1:

Đạt: 28/28 tỷ lệ: 100%

Không đạt: 00 tỷ lệ: 0%

Mức 2:

Đạt: 27/28 tỷ lệ: 96,4%

Không đạt: 01 tỷ lệ: 3,6%

Mức 3:

Đạt: 04/20 tỷ lệ: 20%

Không đạt: 16/20 tỷ lệ: 80%

Căn cứ vào mức độ kiểm định chất lượng giáo dục mà trường đã đạt được theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 quy định về kiểm

định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; căn cứ vào hướng dẫn 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường đạt Mức độ 1;

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG